

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Thanh Ngọc
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đặng Thị Thanh Ngọc
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Kim Oanh**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thị Thanh Ngọc

Mã SV: 1412401243

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

✓ Tìm hiểu lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

✓ Tìm hiểu thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền.

✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

✓ Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

✓ Quy chế, quy định về kế toán - tài chính tại doanh nghiệp

✓ Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền, sử dụng số liệu năm 2017 phục vụ công tác.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

Địa chỉ trụ sở: Số 420 đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 24 tháng 12 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 05 tháng 04 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đặng Thị Thanh Ngọc

ThS. Phạm Thị Kim Oanh

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN. 2	
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	
TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2.Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.3.Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.4.Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	4
1.1.4.1.Doanh thu:	4
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	7
1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	13
1.2.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	16
1.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	23
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	26
1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN	33
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền	33
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	33

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh	33
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền	33
2.1.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý	34
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền.....	35
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền	38
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền	38
2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính	62
2.2.3. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	66
2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền.....	67
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN	78
3.1.1. Ưu điểm.....	78
3.1.2. Nhược điểm.....	79
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền	80
3.2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán.....	80
3.2.2. Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng	82
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	89
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	90

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ.....	9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý (bên giao đại lý).....	10
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp	10
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán giảm trừ doanh thu.....	12
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.....	15
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính	20
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán chi phí tài chính	22
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.....	24
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác.....	26
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	28
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung	30
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	31
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	31
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	32
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền	34
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền.....	35
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	37

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0000424.....	41
Biểu số 2.2: Giấy báo có 549.....	42
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT 0000432.....	43
Biểu số 2.4: Sổ Nhật ký chung	44
Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511.....	45
Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng	46
Biểu số 2.7: Sổ tổng hợp bán hàng.....	47
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho 112.....	50
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho 120.....	51
Biểu số 2.10: Sổ Nhật ký chung	52
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632.....	53
Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.....	54
Biểu số 2.13: Sổ tổng hợp giá vốn.....	55
Biểu số 2.14: Hóa đơn dịch vụ viễn thông 0046560.....	57
Biểu số 2.15: Phiếu chi 178.....	58
Biểu số 2.16: Hóa đơn 0001973	59
Biểu số 2.17: Sổ Nhật ký chung	60
Biểu số 2.18: Sổ cái TK 642.....	61
Biểu số 2.19: Giấy báo có 624.....	63
Biểu số 2.20: Sổ Nhật ký chung	64
Biểu số 2.21: Sổ cái TK 515.....	65
Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 81	69
Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 82.....	70
Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 83.....	71
Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 84.....	71
Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 85.....	72
Biểu số 2.32: Sổ Nhật ký chung	73
Biểu số 2.33: Sổ cái TK 911	74
Biểu số 2.34: Sổ cái TK 821	75
Biểu số 2.35: Sổ cái TK 421	76
Biểu số 2.36: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	77
Biểu số 3.1: Hóa đơn GTGT số 0000441	85
Biểu số 3.2: Phiếu chi số 223	86
Biểu số 3.3: Sổ Nhật ký chung	87
Biểu số 3.4: Sổ Cái TK 511	88

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, nền kinh tế nước ta đang không ngừng vươn lên để khẳng định vị trí của mình. Các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau ngày một khốc liệt. Sự phối hợp hoạt động một cách nhịp nhàng, hiệu quả giữa các bộ phận cấu thành chính là chìa khóa dẫn đến những con đường thành công, khả năng tồn tại lâu dài của một doanh nghiệp. Kế toán chính là một phần trong số đó. Bộ máy kế toán luôn được coi là cánh tay phải đắc lực, là cơ sở quan trọng để lãnh đạo của doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản lý.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền, em nhìn thấy được sự quan trọng của công tác kế toán nói chung và đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng, vì vậy em quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền”** cho bài khóa luận của mình.

Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

- ❖ Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- ❖ Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền.
- ❖ Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền.

Trong quá trình hoàn thiện đề tài, em luôn nhận được sự giúp đỡ chỉ bảo nhiệt tình của cô Phạm Thị Kim Oanh và các anh chị phòng kế toán tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền.

Tuy nhiên, do hạn hẹp về mặt thời gian thực tập cũng như kiến thức, hiểu biết của bản thân chưa đầy đủ nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đặng Thị Thanh Ngọc

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong điều kiện hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua kết quả kinh doanh trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định cuối cùng của hoạt động kinh doanh. Trong hoạt động kinh doanh, ngoài việc mua sắm các yếu tố đầu vào, tiến hành tạo ra sản phẩm, doanh nghiệp phải tiến hành tiêu thụ để thu tiền về tạo nên doanh thu cho mình. Đây là bộ phận quan trọng quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có vai trò tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như

việc xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả của hoạt động kinh doanh. Xác định chính xác KQKD góp phần cung cấp thông tin, giúp DN nghiên cứu, xây dựng mức giá phù hợp cho từng sản phẩm.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Việc tổ chức, sắp xếp hợp lý giữa các khâu trong quá trình bán hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng, đồng thời tạo nên sự thống nhất trong hệ thống kế toán chung của doanh nghiệp. Nhằm phát huy vai trò của kế toán trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán bán hàng cần thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và giám đốc kịp thời, chi tiết khối lượng hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra, tồn kho cả về số lượng, chất lượng và giá trị. Tính toán đúng đắn giá vốn của hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác nhằm xác định kết quả bán hàng.

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch bán hàng, doanh thu bán hàng của đơn vị, tình hình thanh toán tiền hàng, nộp thuế với Nhà nước.

- Phản ánh kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả bán hàng, đơn đốc, kiểm tra, đảm bảo thu đủ và kịp thời tiền bán hàng, tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp lý.

- Cung cấp thông tin chính xác trung thực, lập quyết toán đầy đủ kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc quản lý chặt chẽ hàng hoá và kết quả bán hàng. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó, kế toán cần nắm vững nội dung của việc tổ chức công tác kế toán đồng thời cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

- + Xác định thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo bán hàng và xác định kết quả bán hàng. Báo cáo thường xuyên, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán với khách hàng nhằm giám sát chặt chẽ hàng hoá bán ra về số lượng và chủng loại.

- + Tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu và tình hình luân chuyển chứng từ khoa học hợp lý, tránh trùng lặp hay bỏ sót, không quá phức tạp mà vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý, nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Đơn vị lựa chọn hình

thức sổ sách kế toán để phát huy được ưu điểm và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.

+ Xác định và tập hợp đầy đủ chi phí phát sinh ở các khâu.

1.1.4. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.14.1. Doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

➤ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài bán (Nếu có).

➤ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.4.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia

tăng đầu ra trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

1.1.4.3. Chi phí và phân loại chi phí

Chi phí: là khoản chi phí mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để vận hành hoạt động của mình trong hoạt động kinh doanh và sản xuất. Đây là khoản chi phí mà người quản lý và người chủ doanh nghiệp luôn phải cân đối sao cho phù hợp nhất với lợi nhuận doanh nghiệp của mình. Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

➤ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ **Chi phí quản lý kinh doanh:** là chi phí chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

▪ **Chi phí bán hàng:** là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyển hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...

▪ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng, khấu hao tài sản dùng cho quản lý...

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp** là: những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

➤ **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.....

➤ **Chi phí khác** là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của

doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

➤ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* là : khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.4.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

- *Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ*: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

- *Kết quả hoạt động khác*: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

1.1.4.5. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý kinh doanh, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng mang lại. Các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đem biếu, tặng, cho hoặc tiêu dùng ngay trong nội bộ, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao đổi hàng hóa, làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng. Hiểu theo một nghĩa khác thì doanh thu bán hàng của một doanh nghiệp là bao gồm toàn bộ số tiền đã thu được hoặc có quyền đòi về do việc bán hàng hóa và dịch vụ trong một thời gian nhất định.

➤ Điều kiện để ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

➤ Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Có 4 tài khoản cấp 2:

TK5111-Doanh thu bán hàng hóa.

TK5112-Doanh thu bán thành phẩm.

TK5112-Doanh thu cung cấp dịch vụ.

TK5118-Doanh thu khác.

➤ Kết cấu của TK511:

Bên nợ:

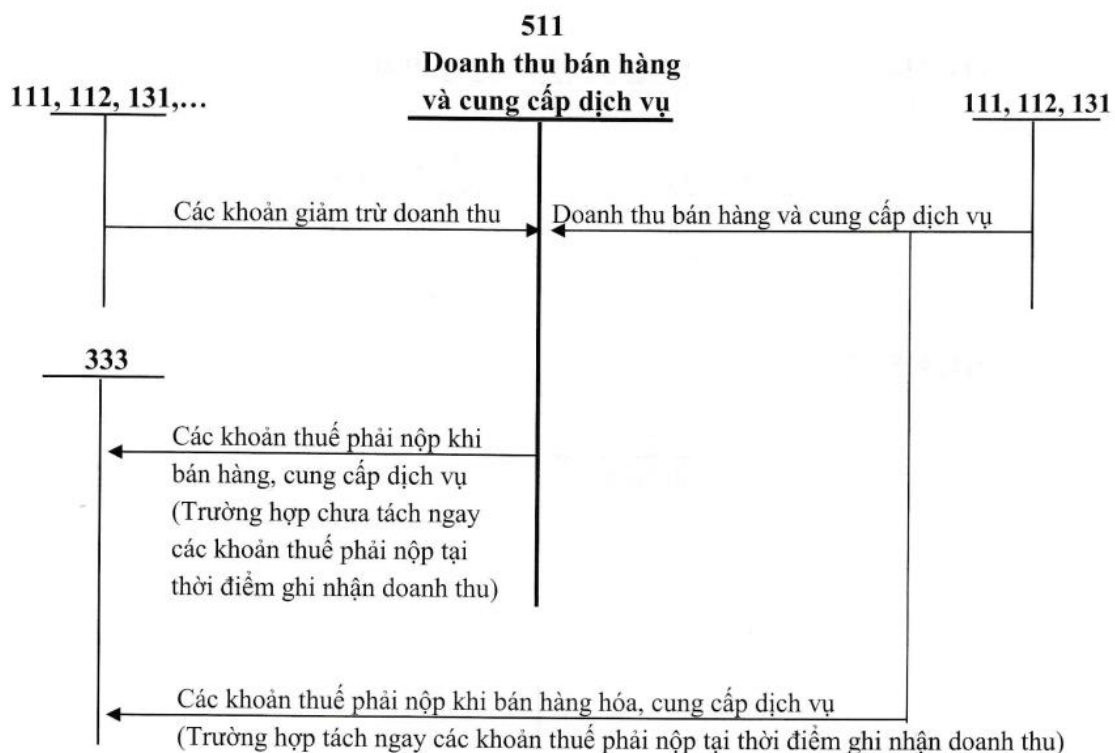
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, xuất khẩu, bảo vệ môi trường)
- Các khoản giảm trừ doanh thu
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

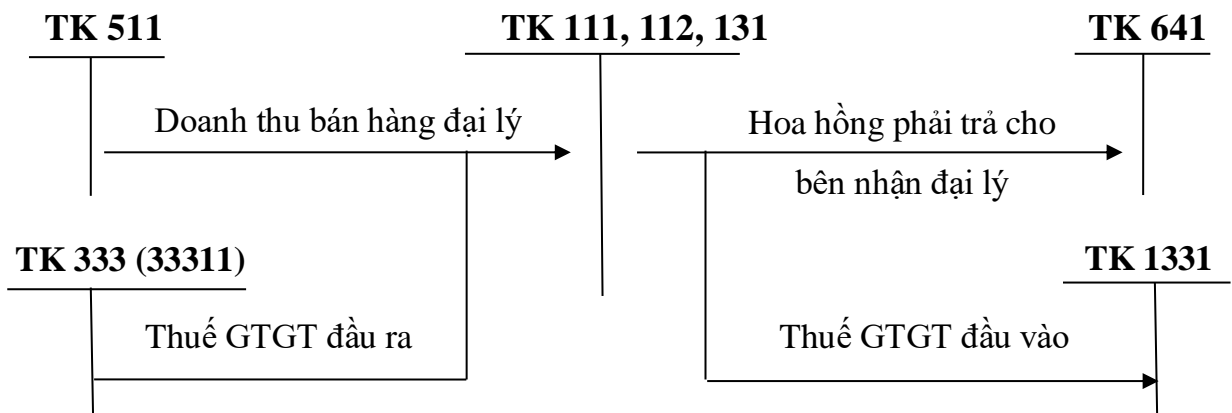
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

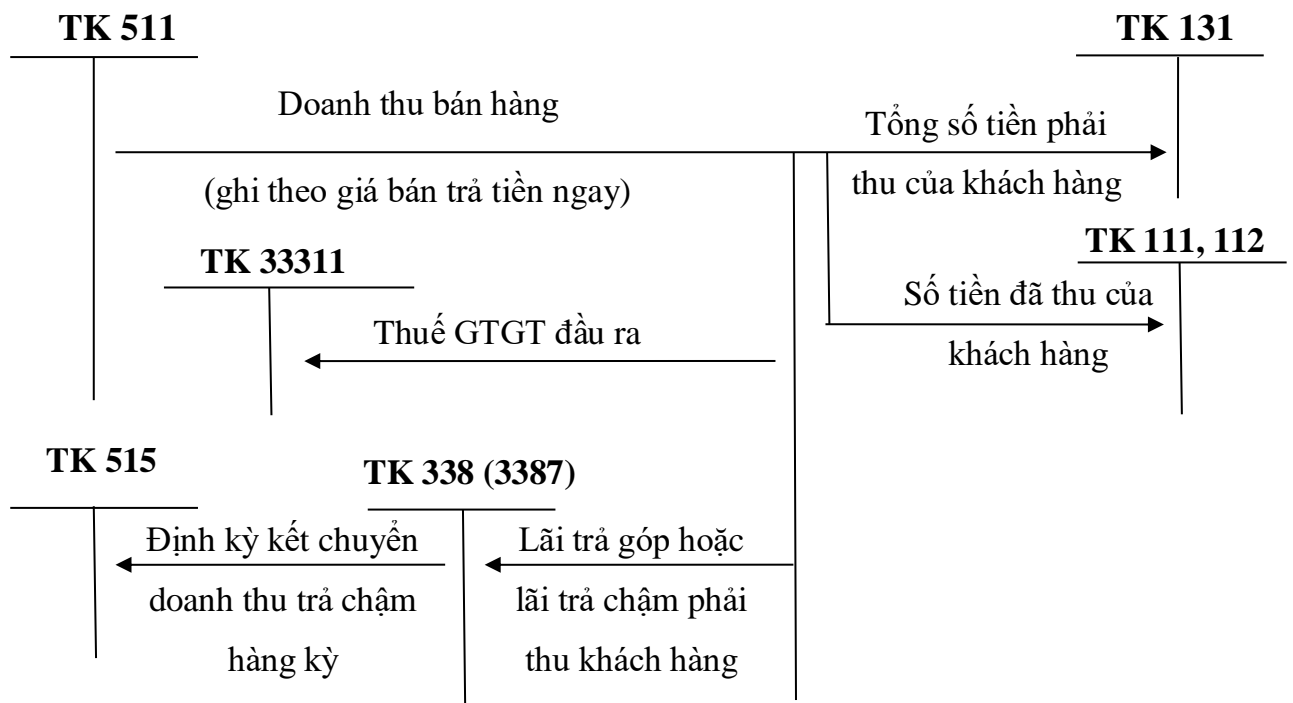
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ



**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý
(bên giao đại lý)**



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp

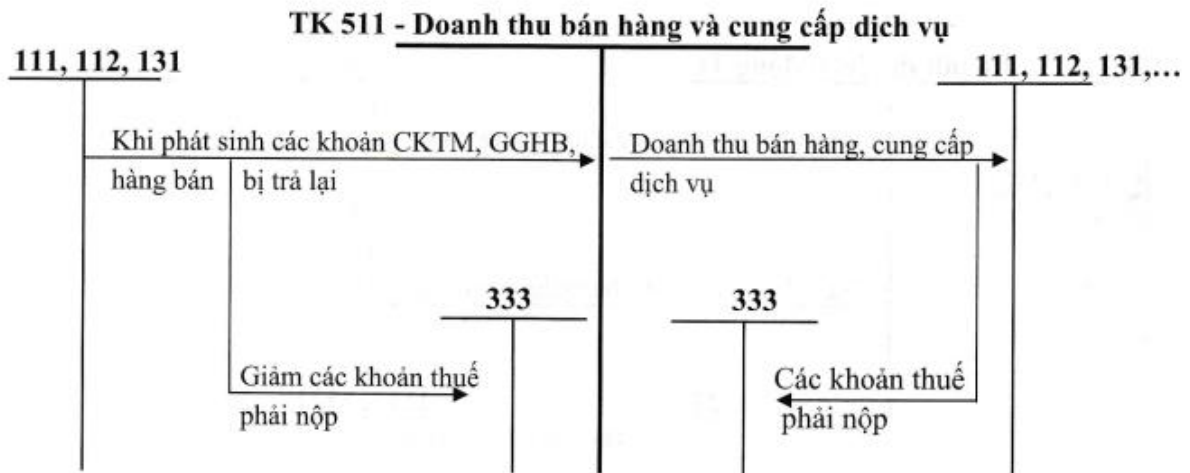


1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

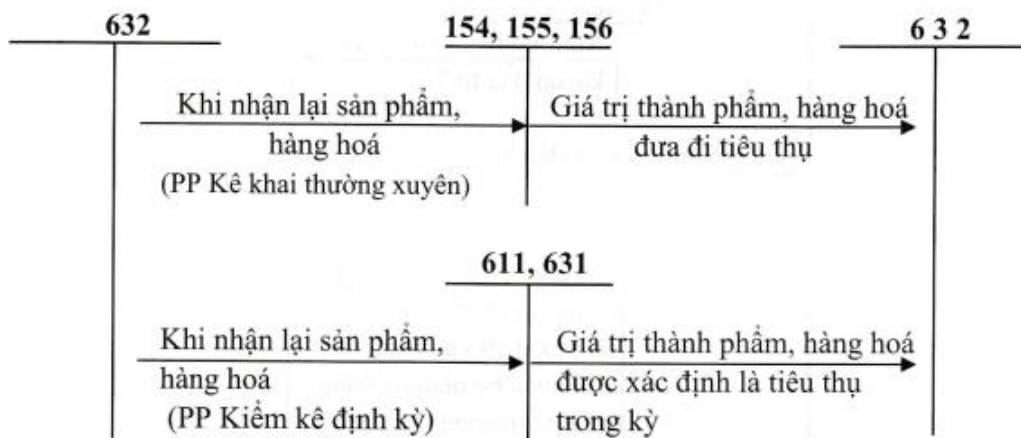
Các khoản giảm trừ doanh thu: Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đầu ra trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

- Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:
 - Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.
 - Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
 - Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lặt hậu thị hiếu.
- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
 - Hợp đồng mua bán.
 - Các chứng từ thanh toán khác như: Phiếu chi, phiếu thu, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán,...
 - Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...
- Tài khoản sử dụng:
 - TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán giảm trừ doanh thu



Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hoá



Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại



Nợ TK 511: Phần chiết khấu thương mại/ giảm giá hàng bán/ hàng bán bị trả lại cho khách hàng chưa thuế GTGT

Nợ TK 3331: Phần thuế GTGT trên giá trị hàng chiết khấu/ giảm giá hàng bán/ hàng bán bị trả lại cho khách hàng

Có TK 111, 112, 131: Tổng giá trị chiết khấu/ giảm giá hàng bán/ hàng bán bị trả lại cho khách hàng

* Lưu ý:

- Các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại được trừ trực tiếp vào giá bán trên hóa đơn thì không phải ghi Nợ TK 511.
- Chỉ khi các khoản giảm trừ chưa thể hiện giảm giá trên hóa đơn (xuất riêng hóa đơn giảm giá), hàng bán bị trả lại thì mới được ghi giảm doanh thu bán hàng – Nợ TK 511.

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

*Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để đưa ra được giá bán hợp lý doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác nhận hiệu quả của sản xuất kinh doanh. Trong thực tế của giá cả mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định giá trị hàng hóa xuất kho trên cơ sở đơn giá nhập kho tương ứng.

Hiện nay, có nhiều cách tính giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp.

*Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá hàng xuất kho} \times \text{Số lượng xuất kho}$$

Cụ thể với từng phương pháp như sau:

Phương pháp bình quân gia quyền:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\begin{matrix} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{HH tồn đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{HH nhập trong kỳ} \end{matrix}}{\begin{matrix} \text{Số lượng HH tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Số lượng HH} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{matrix}}$$

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn)

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Phương pháp này được xác định dựa trên giả định là hàng được mua vào thì xuất trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là hàng xuất kho trước tiên, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự chúng được mua vào, nhập kho.

Phương pháp thực tế đích danh:

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó tính giá vốn hàng xuất kho.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT), phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ khác có liên quan...

➤ Tài khoản sử dụng:

TK 632- Giá vốn hàng bán

➤ Kết cấu nội dung tài khoản 632:

Bên nợ:

- + Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.
- + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm các nhân gây ra.

+ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Bên có:

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

+ Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

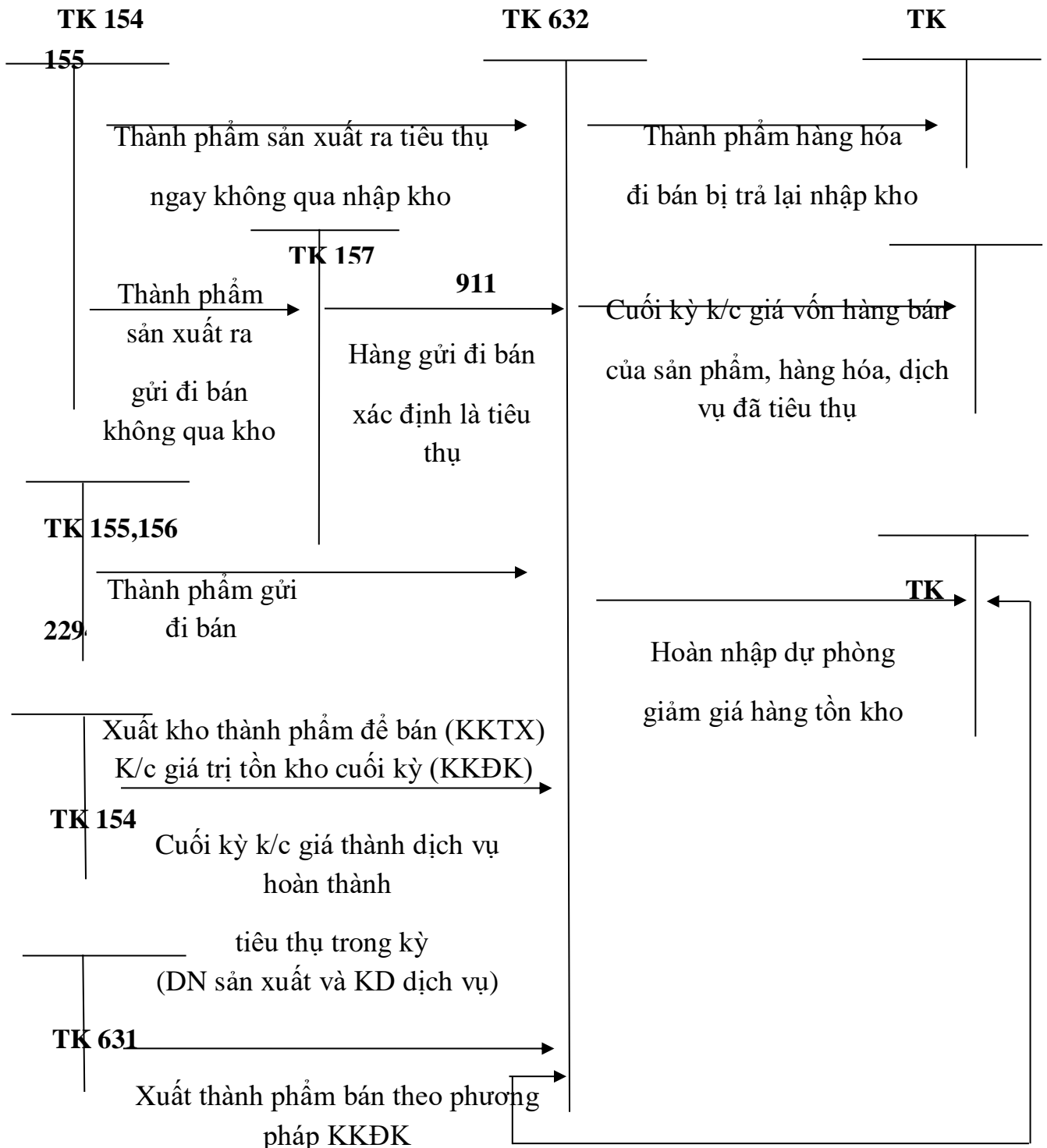
+ Các khoản thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

+ Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã bán sang TK 911.

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

- Phương pháp hạch toán giá vốn: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán



Trích lập dự phòng giảm giá HTK

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh gồm có chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng, BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn, BH thất nghiệp, BH tai nạn lao động của nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại...), chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn, BH thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

- Chứng từ kế toán sử dụng:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng.
 - Phiếu chi.
 - Chứng từ kế toán liên quan.
- Sổ sách kế toán sử dụng:
 - Sổ chi tiết tài khoản 642
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái tài khoản 642
- Tài khoản kế toán sử dụng: TK642- Chi phí quản lý kinh doanh
- TK 642 có 2 TK cấp 2:
 - TK 6421 – Chi phí bán hàng
 - TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản 642:

Bên nợ:

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

Bên có:

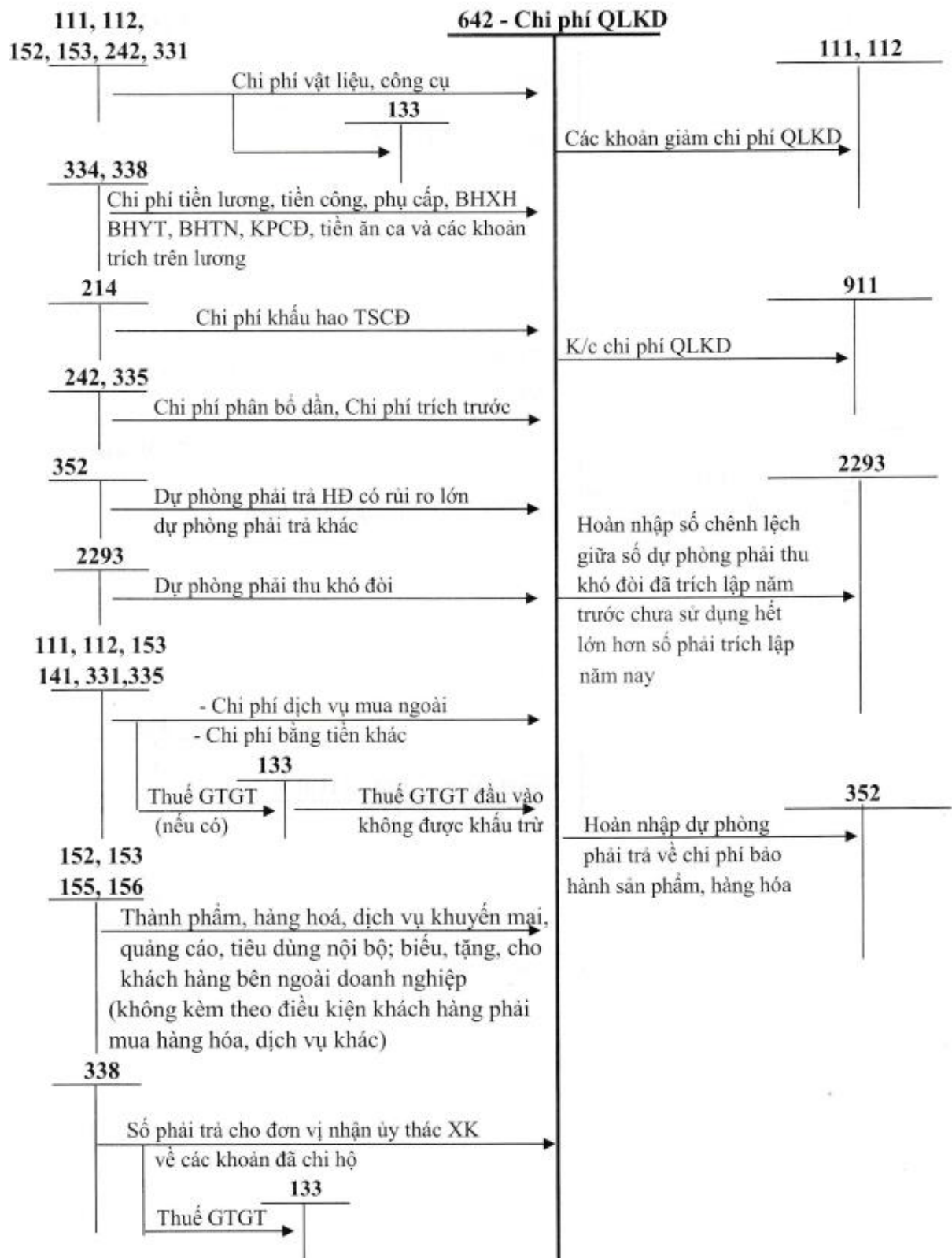
- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911.

TK 642 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính**1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số khoản sau: Tiền lãi, lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp... Cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng:

TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Bên nợ:

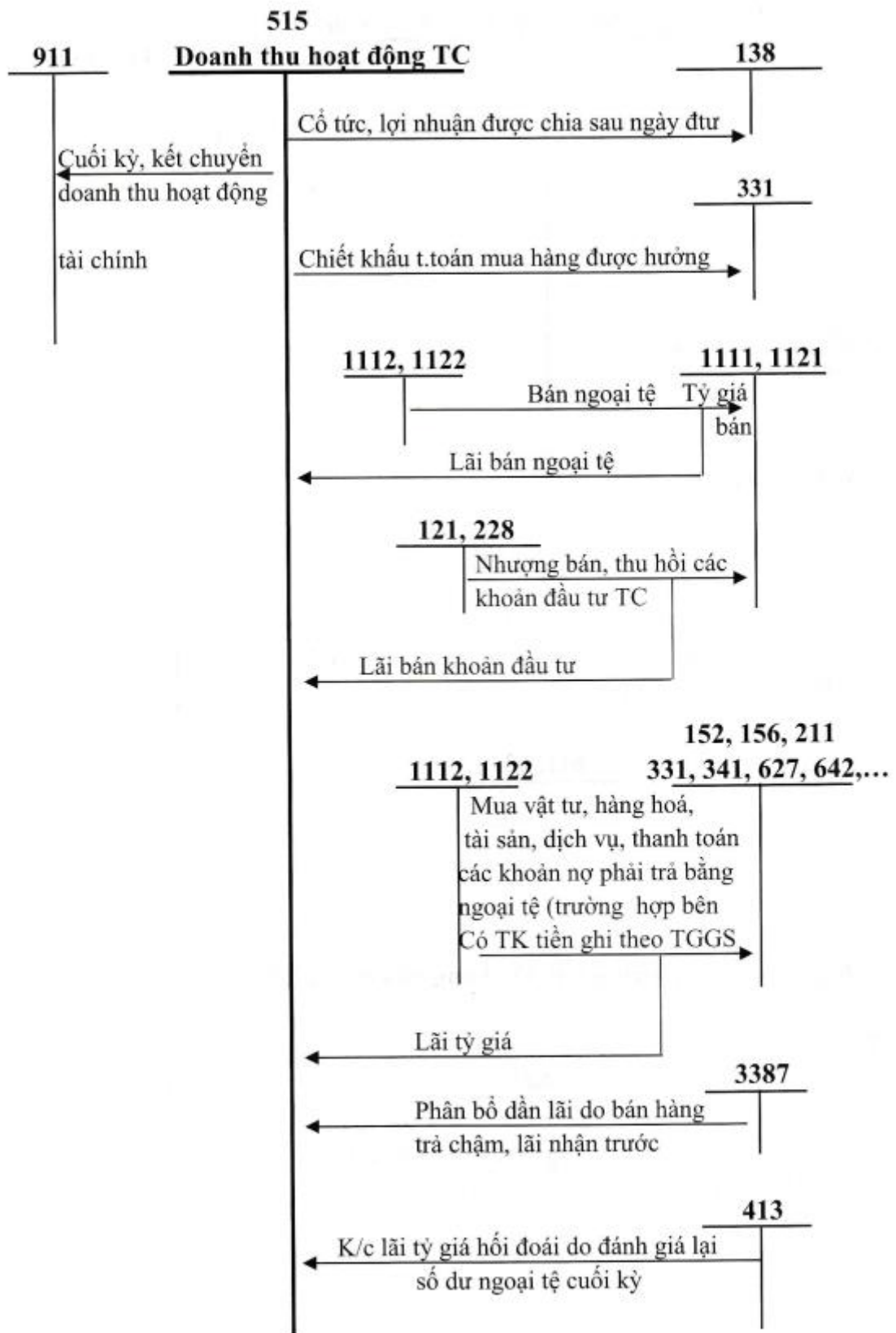
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

TK515 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.4.1. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng, lỗ từ nhượng bán chứng khoán, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu kế toán.
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng:

TK635 - Chi phí tài chính

➤ Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.
- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước)

Bên có:

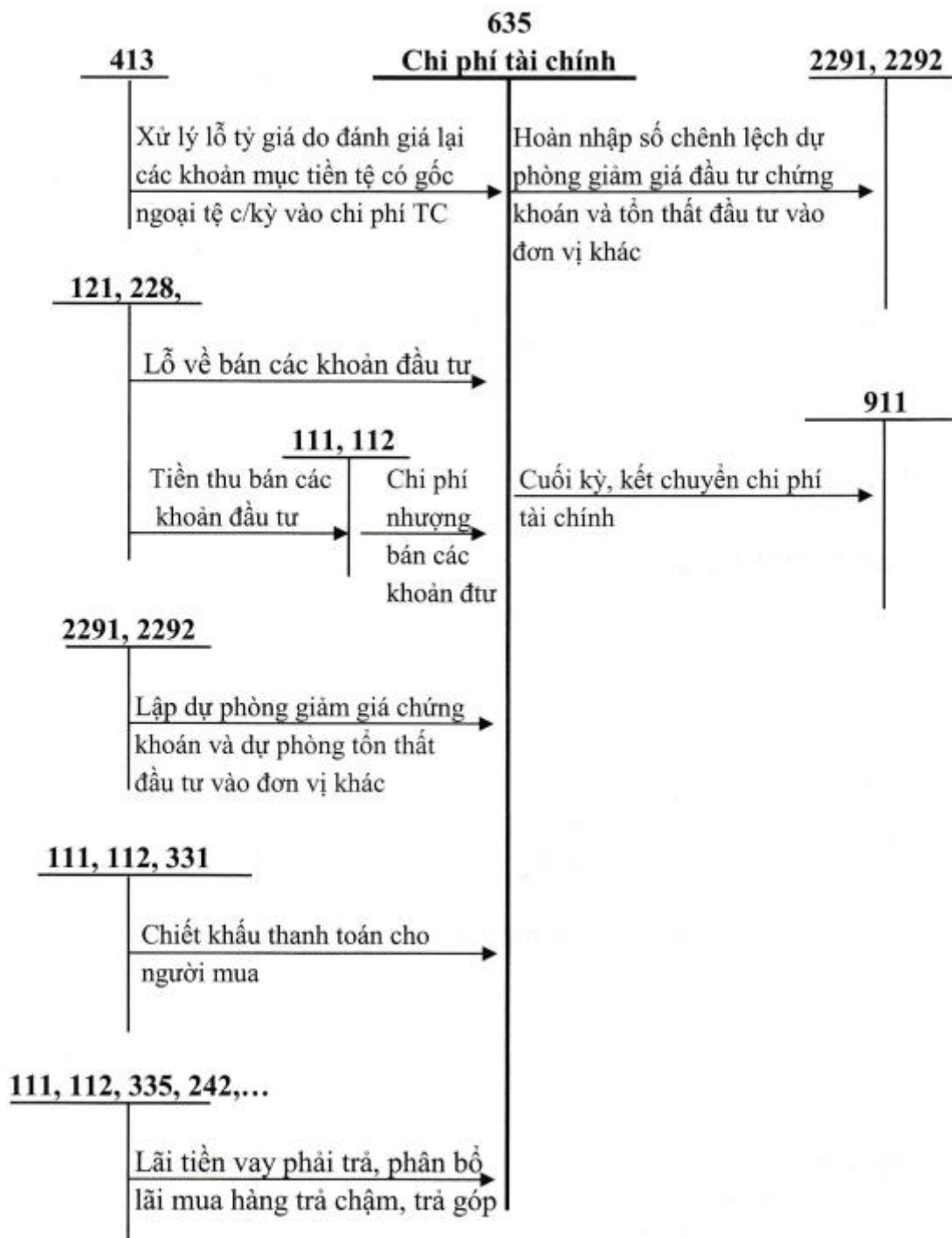
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập từ kỳ trước).

- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính.

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán chi phí tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác**

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số hoạt động: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có), thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, phiếu kế toán,...
- Các chứng từ liên quan khác nhau như: biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế,...

➤ Tài khoản sử dụng:

TK711 - Thu nhập khác

➤ Kết cấu tài khoản:

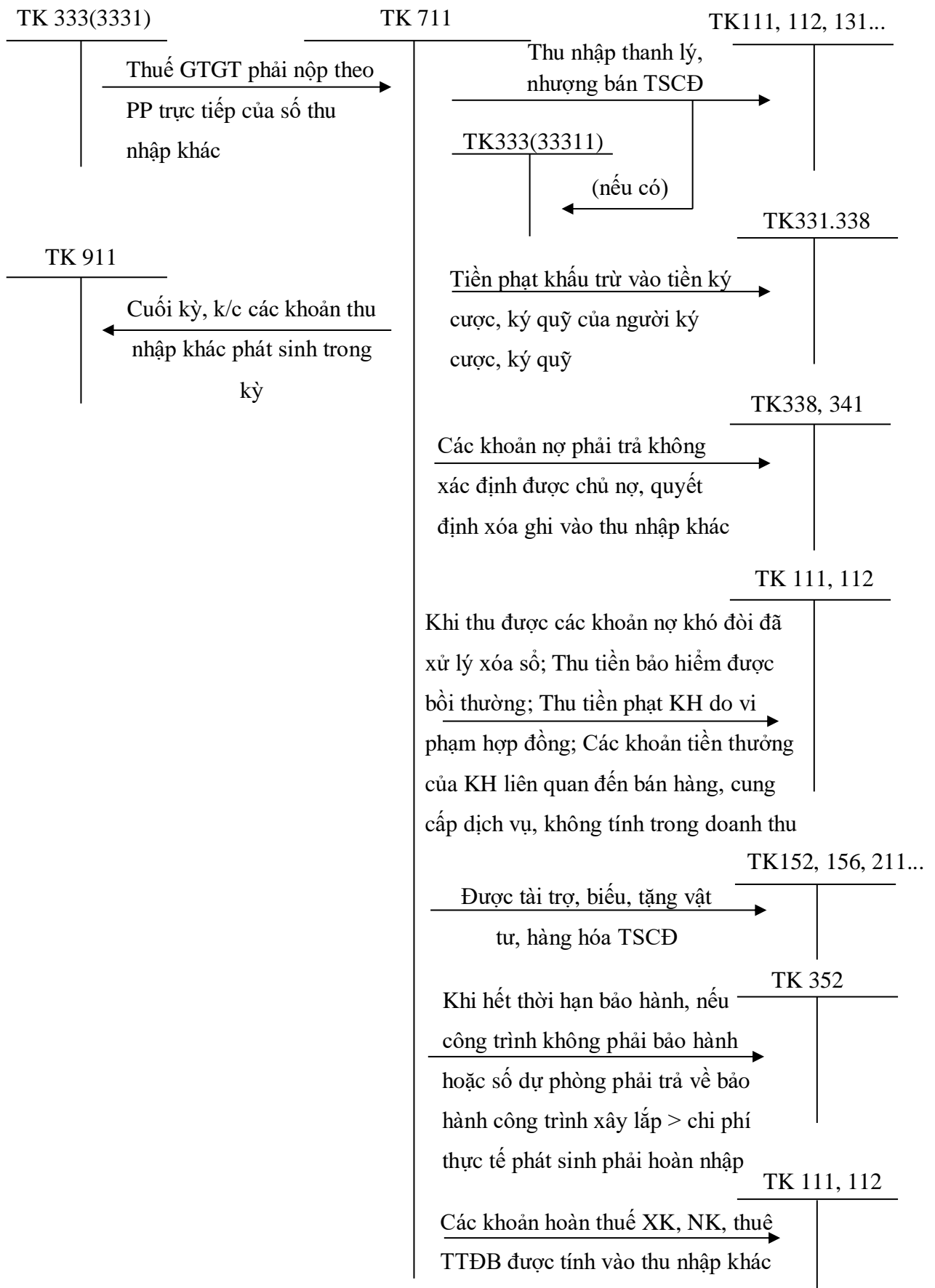
Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



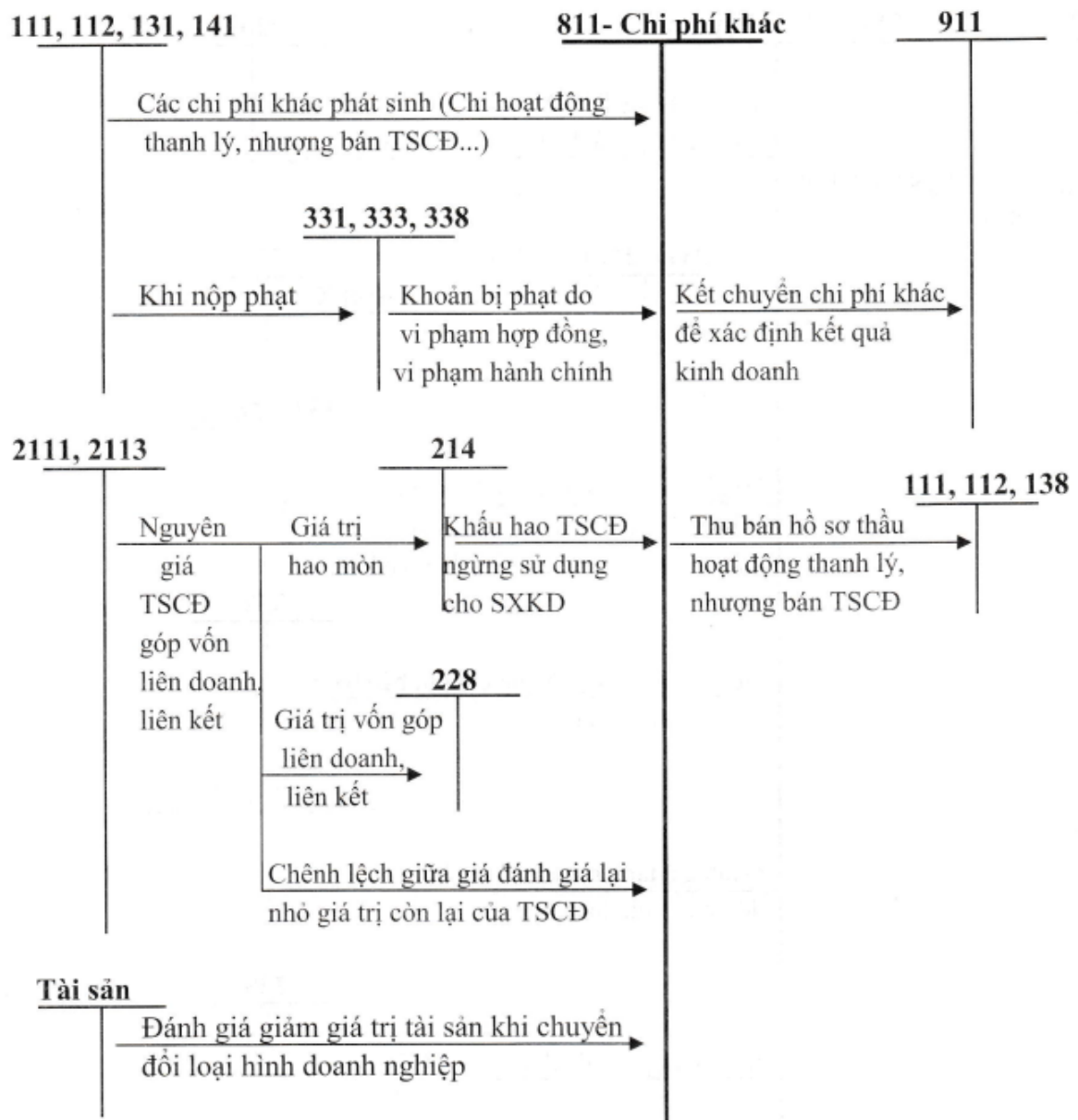
1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí hoạt động khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động khác bao gồm một số khoản sau: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT.
 - Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng.
 - Các chứng từ liên quan khác.
 - Tài khoản sử dụng: 811- Chi phí khác
 - Kết cấu tài khoản:
 - Bên nợ:
 - Các khoản chi phí khác phát sinh
 - Bên có:
 - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do các hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.2.6.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

+ Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ:

$$\begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt} \\
 \text{động bán} \\
 \text{hàng và cung} \\
 \text{cấp dịch vụ}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Doanh thu} \\
 \text{thuần về bán} \\
 \text{hàng và cung} \\
 \text{cấp dịch vụ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Giá vốn} \\
 \text{hàng bán}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{bán hàng}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{quản lý} \\
 \text{doanh} \\
 \text{nghiệp}
 \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l}
 \text{Doanh thu thuần} \\
 \text{về bán hàng và} \\
 \text{cung cấp dịch vụ}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Doanh thu bán} \\
 \text{hàng và cung} \\
 \text{cấp dịch vụ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Các khoản} \\
 \text{giảm trừ} \\
 \text{doanh thu}
 \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động tài chính:

$$\begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt động} \\
 \text{tài chính}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Doanh thu hoạt} \\
 \text{động tài chính}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{tài chính}
 \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động khác:

$$\begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt động} \\
 \text{khác}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Thu nhập khác}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí khác}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt} \\
 \text{động kinh doanh}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt} \\
 \text{động bán hàng} \\
 \text{và cung cấp} \\
 \text{dịch vụ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt} \\
 \text{động tài chính}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt} \\
 \text{động khác}
 \end{array}$$

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán và cá chứng từ khác liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng: TK911 - Xác định kết quả kinh doanh

➤ Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu nội bộ, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình. Doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể áp dụng một trong 4 hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức sổ Nhật ký chung.
- Hình thức chứng từ ghi sổ.
- Hình thức Nhật ký – sổ cái.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Dưới đây bài viết đi vào minh họa chi tiết trình tự ghi sổ theo hình thức sổ Nhật ký chung.

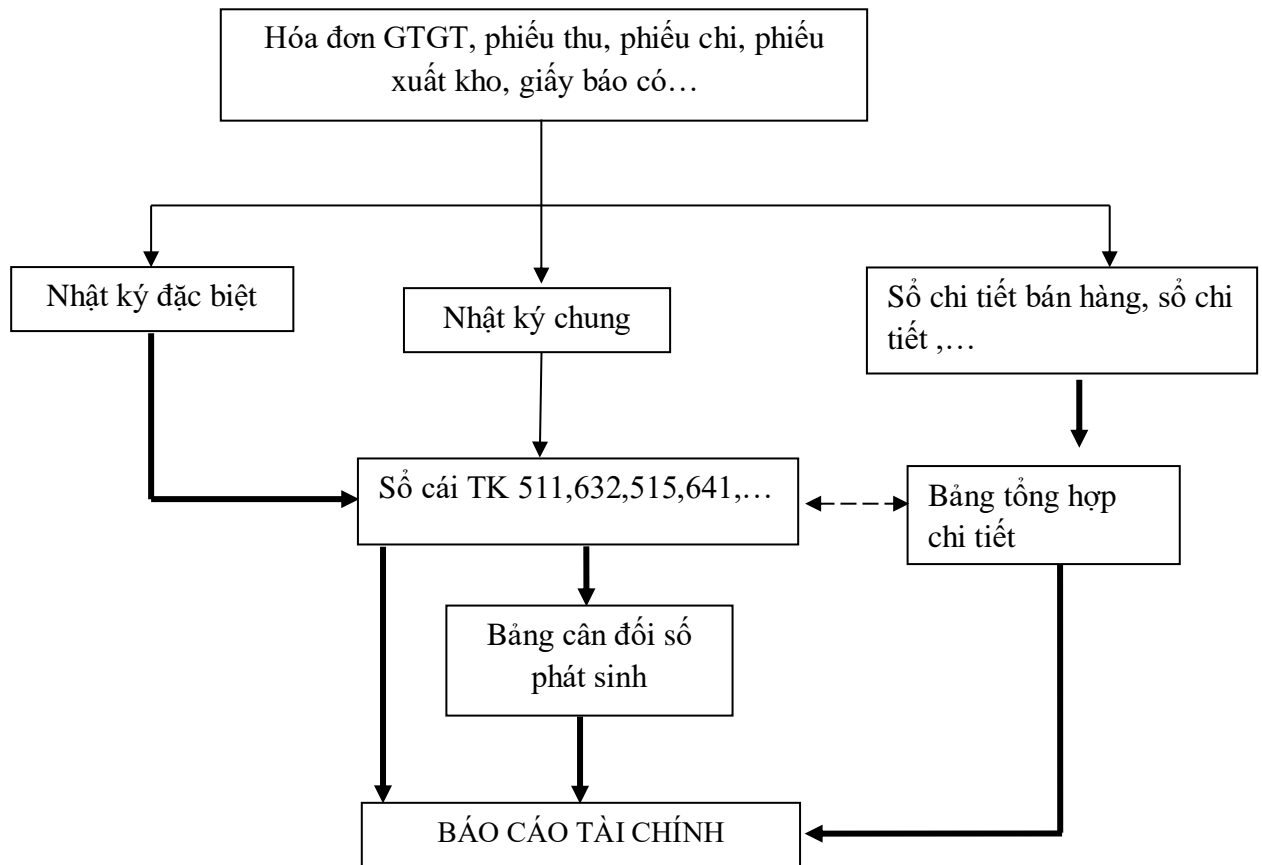
* Đặc trưng cơ bản hình thức sổ Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ sau đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cho từng nghiệp vụ phát sinh.

* Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ các thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



- Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng
 <-----> Đối chiếu

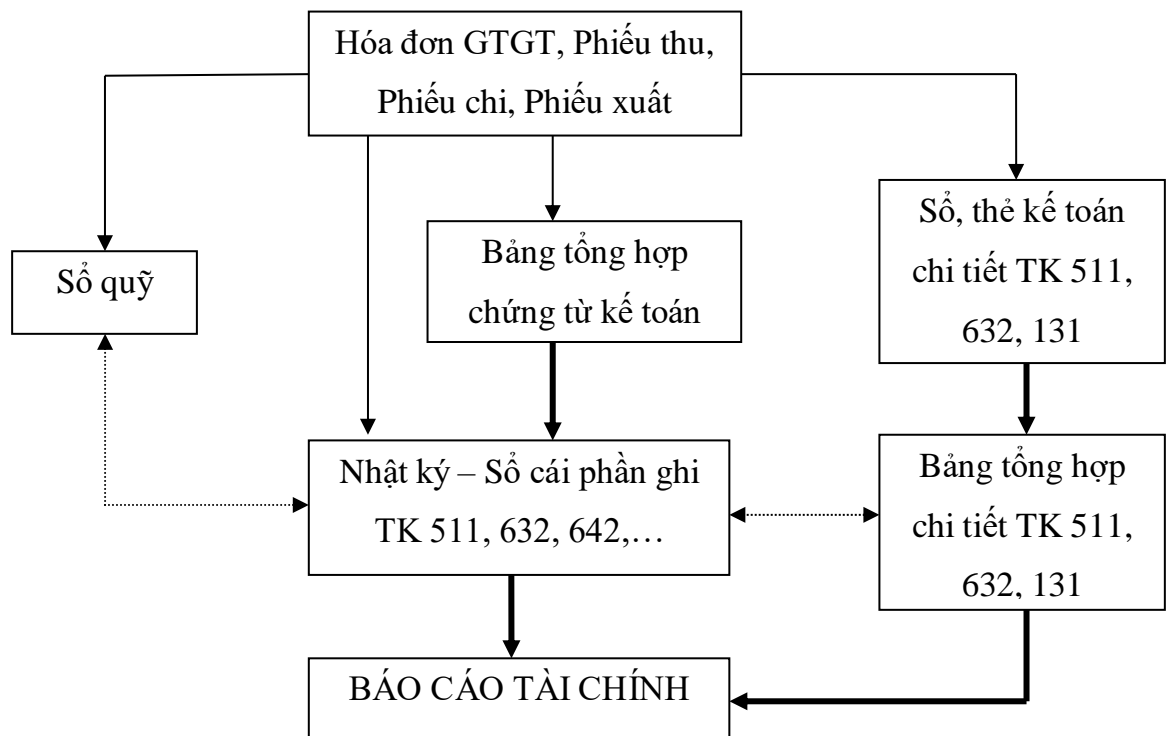
+ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

+ Cuối tháng, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

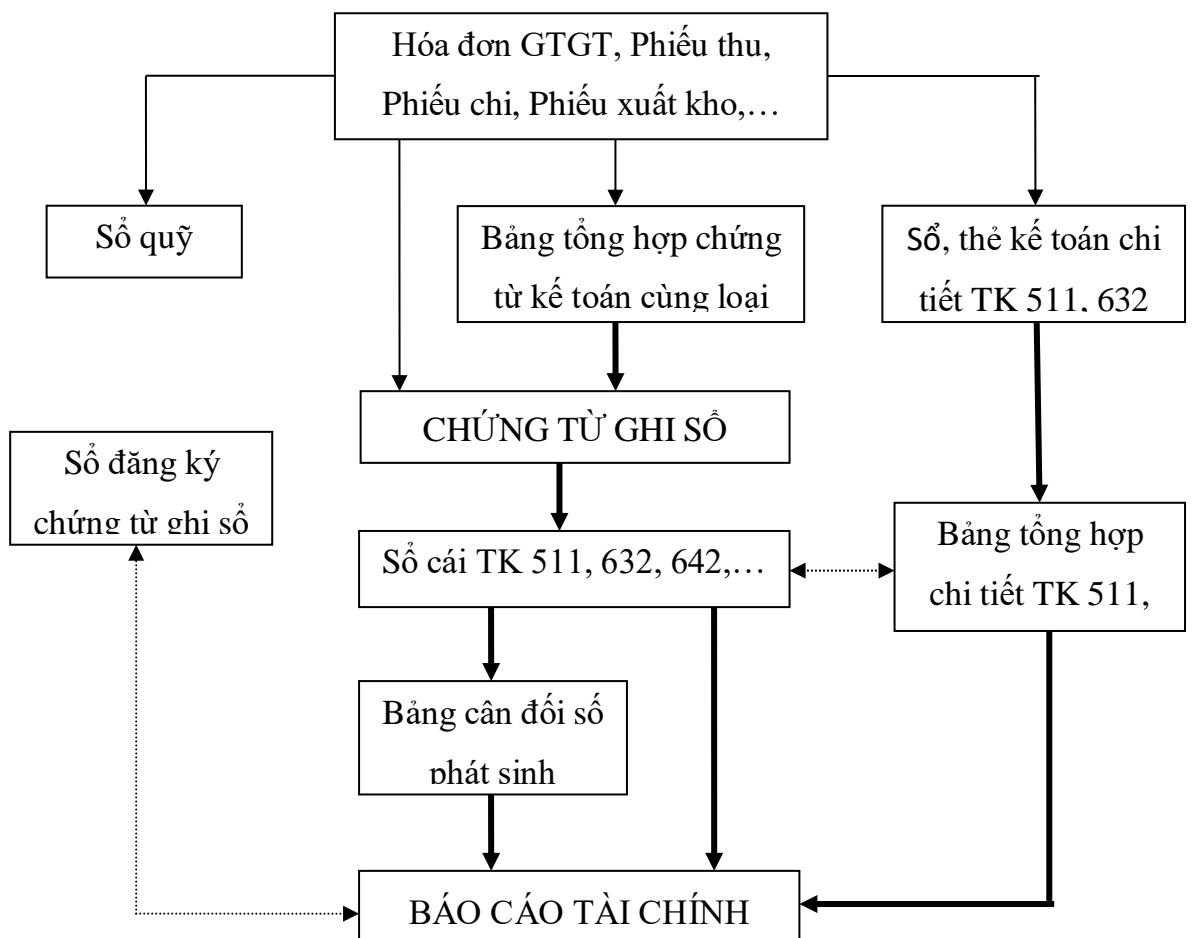
+ Về nguyên tắc: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

*Các hình thức khác:

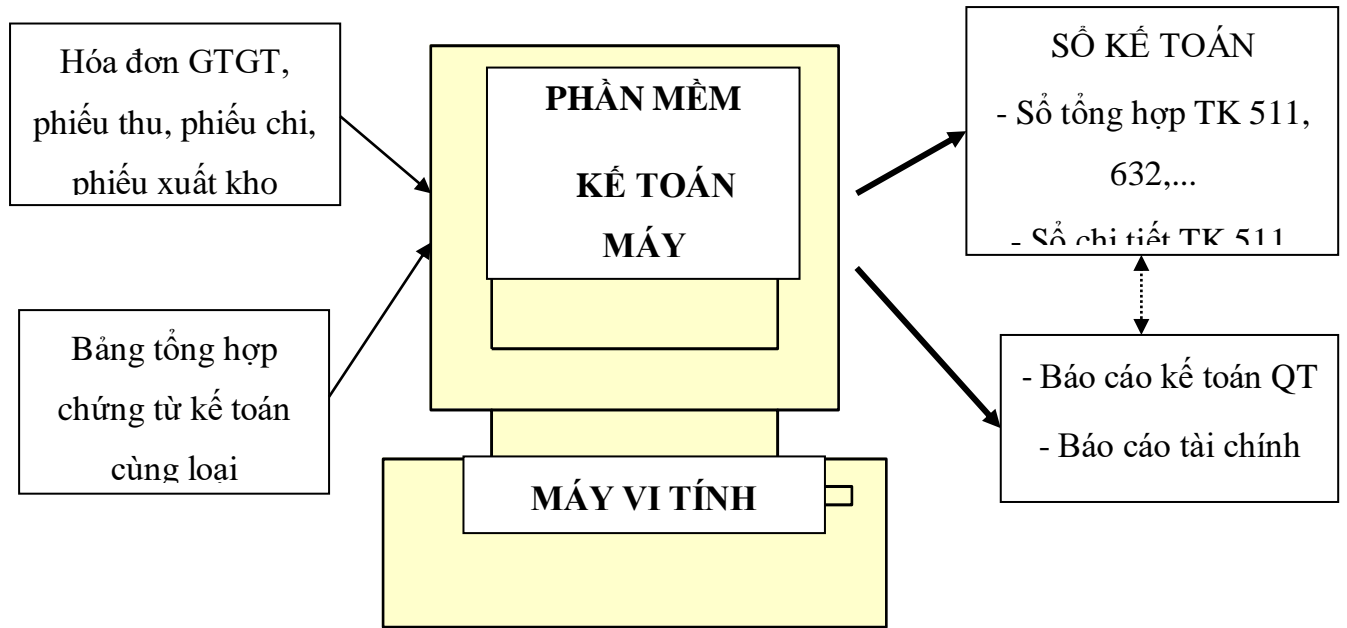
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow
In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \longrightarrow
Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tên giao dịch: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

Mã số thuế: 0201809841

Trụ sở chính: Số 420 đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

Đại diện pháp luật: Nguyễn Đình Điền

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền được thành lập ngày 26 tháng 9 năm 2013 và chính thức đi vào hoạt động ngày 29 tháng 9 năm 2013. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201809841 được cấp ngày 21/11/2013. Tháng 12 năm 2013 Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền hoạt động với chế tạo các sản phẩm thiết bị inox và hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ một xưởng gia công cơ khí nhỏ quy mô chỉ 4 người ông Điền đã thành lập công ty và phát triển lên quy mô như hiện nay. Với đội ngũ công nhân lành nghề, giàu kinh nghiệm, giá cả hàng hóa phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng doanh nghiệp ngày càng chiếm được thị phần trong thị trường Hải Phòng. Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền có một cơ sở sản xuất với diện tích 1.300m² chuyên gia công cơ khí, tráng phủ kim loại và inox...chất lượng cao, doanh thu tăng dần theo các năm, đời sống công nhân cũng được cải thiện. Những sản phẩm của công ty đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và ngày càng mở rộng thị trường sang các địa bàn lân cận như An Lão, Tiên Lãng, v.v...

Hiện nay công ty đang hoạt động chủ yếu về lĩnh vực gia công cơ khí, kim loại và inox. Hàng năm công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và tiết kiệm chi phí để giá thành sản phẩm đến với người tiêu dùng là tốt nhất.

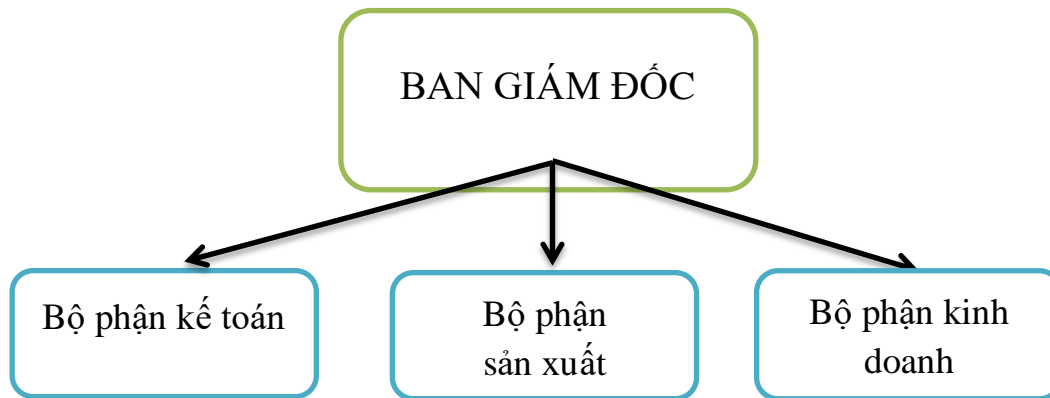
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh

Tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền ngành nghề kinh doanh được đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh, bao gồm:

- *Kinh doanh các sản phẩm Inox gia dụng*
- *Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại*

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền

2.1.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền

- Ban Giám đốc: Quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh theo chiến lược và kế hoạch của mình đề ra. Cùng giám đốc theo dõi quá trình sản xuất kinh doanh và thay mặt giám đốc giải quyết công việc khi giám đốc vắng mặt.

- Bộ phận kế toán: Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, báo cáo quyết toán tài chính. Kế toán phải tham mưu cho Ban Giám đốc về các chính sách tài chính – Kế toán của công ty, phân tích đánh giá tình hình quản lý tài chính, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra đề xuất những biện pháp chỉ đạo thực hiện nghiệp vụ kế toán tài chính đảm bảo đúng pháp luật. Kiểm tra chất lượng, định lượng vật tư, hàng hóa trước khi nhập kho, kiểm kê vật tư, hàng hóa theo dõi thành phẩm, vật tư.

- + Quản lý danh mục vật tư, công cụ dụng cụ của công ty, quản lý toàn bộ số lượng giá trị nhập kho và tồn kho của vật tư, theo dõi vật tư mua sắm.
- + Kế toán chịu trách nhiệm tính lương và theo dõi các khoản thanh toán với cán bộ công nhân viên, theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền...
- + Viết, lập, quản lý hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra của công ty, theo dõi tất cả công nợ phải thu khách hàng, thu hồi công nợ, tập hợp chứng từ.

- Bộ phận sản xuất: chế tạo, sản xuất, xử lý, lắp đặt, gia công và hoàn thành sản phẩm.

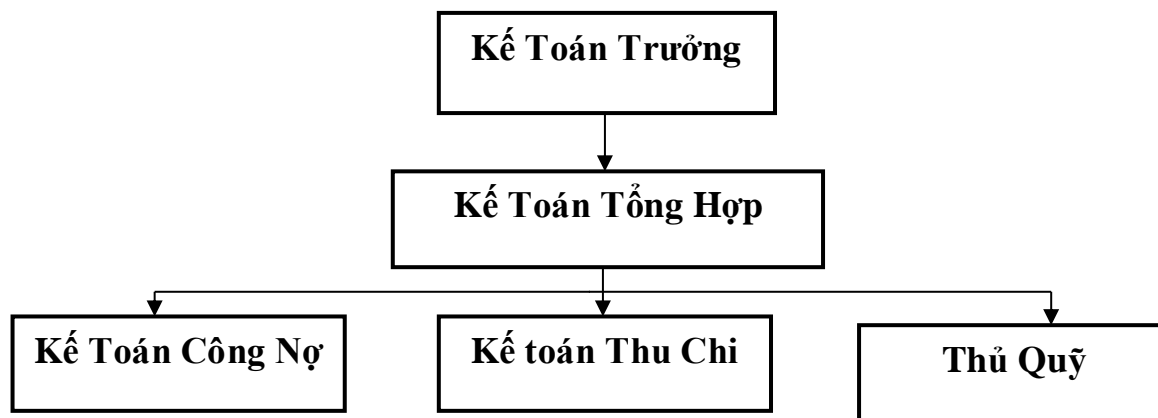
- Bộ phận kinh doanh: Lập kế hoạch cung ứng hàng hóa, phụ trách triển khai ký kết các hợp đồng kinh tế, các chương trình marketing thương mại của công ty. Nắm bắt thị trường khu vực và thị trường tiềm năng, tìm các nguồn hàng có chất lượng cao phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Do đặc điểm của mỗi công ty khác nhau lên cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của mỗi công ty là khác nhau. Để phù hợp với điều kiện kinh doanh, công ty đã xây dựng cho mình một bộ máy kế toán phù hợp với yêu cầu cũng như đặc thù riêng của công ty mình. Bộ máy kế toán được phản ánh qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền

2.1.4.2. Hình thức và chính sách kế toán đang áp dụng tại công ty

✚ Chế độ kế toán:

- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng theo chế độ kế toán Việt Nam, được ban hành theo thông tư 133/2016/QĐ-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

- Chế độ chứng từ: Công ty áp dụng hệ thống chứng từ bắt buộc do Bộ tài Chính ban hành. Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều có chứng từ kế toán chứng minh.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- Hệ thống tài khoản: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản trong bảng hệ thống tài khoản theo thông tư 133/2016/QĐ-BTC ngày 26/08/2016 và các mở các tài khoản chi tiết phù hợp với việc hạch toán của kế toán.
- Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam
- Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Nhập trước xuất trước.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

✚ Chứng từ, tài khoản kế toán:

- Hóa đơn: Hóa đơn GTGT đầu ra, đầu vào.
- Lao động, tiền lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán lương.
- Giá trị HTK được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Công nợ, tiền tệ: Phiếu thu, phiếu chi, Lệnh chi, lệnh thanh toán, sao kê tài khoản chi tiết
- Các tài khoản doanh nghiệp sử dụng để hạch toán chi tiết và tổng hợp: 111, 112, 131, 133, 152, 154, 156, 242, 331, 333, 334, 335, 411, 421, 511, 515...

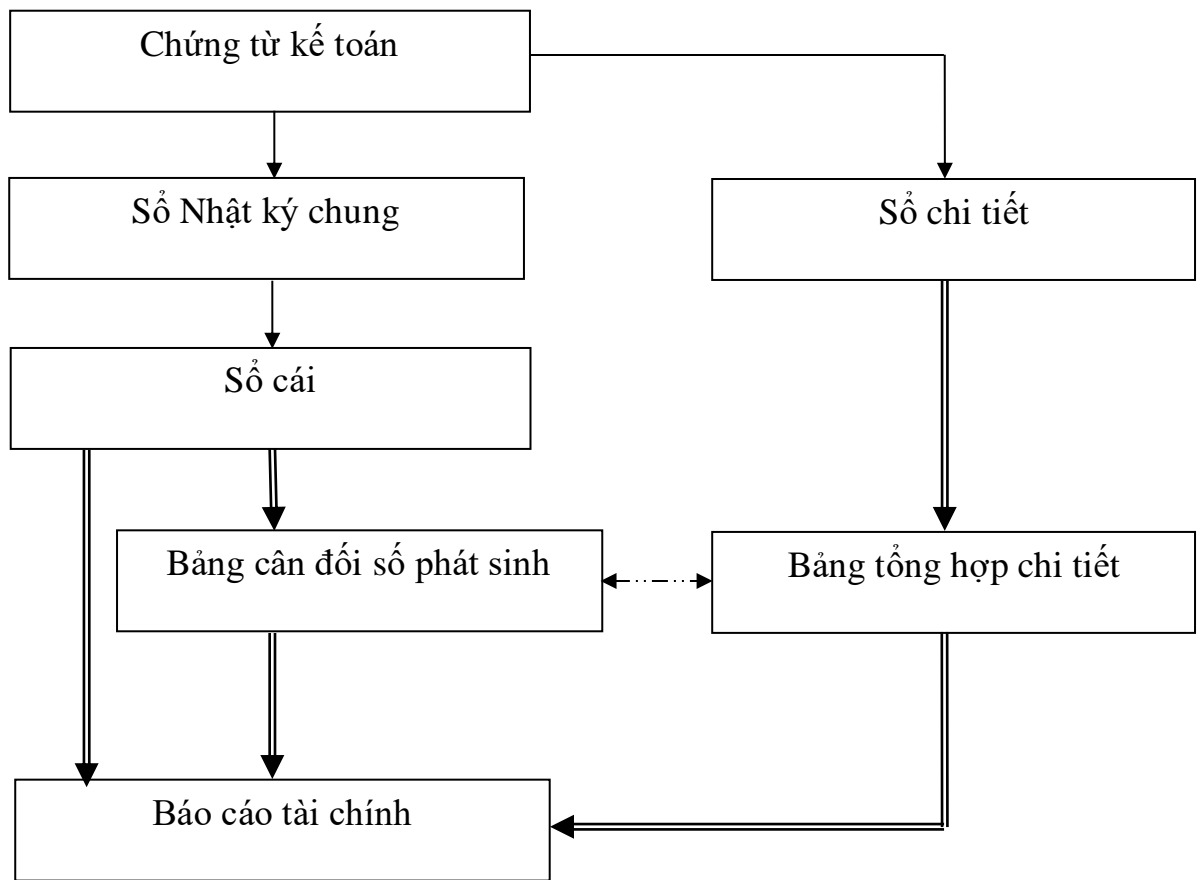
✚ Hình thức kế toán áp dụng:

- Doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ
- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam – VNĐ
- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

Hàng ngày, kế toán tập hợp, kiểm tra và phân loại chứng từ gốc, căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ “ Nhật ký chung”, “Sổ chi tiết”, “Bảng tổng hợp chi tiết”. Sau đó từ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản.

Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu trên “Sổ cái”, lập “Bảng cân đối số phát sinh”. Sau khi đối chiếu trùng khớp số liệu ghi trên “Sổ cái” và” Bảng tổng hợp chi tiết” (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các “Báo cáo tài chính”. “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên “Bảng cân

đối số phát sinh” phải bằng “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên sổ “Nhật ký chung” cùng kỳ. Trình tự ghi sổ kế toán được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←.-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

2.1.4.3. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

❖ Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng cân đối tài khoản.
- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01- DN.
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu B02 – DN.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu B03 - DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu B09 – DN.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của nhà nước như báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Bảng cân đối số phát sinh...

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Cơ khí Đình Điền

2.2.1.1. Các phương thức bán hàng tại công ty

❖ Hình thức thanh toán được thực hiện:

- Hình thức thanh toán ngay: Khi công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, công ty được thu tiền ngay(tiền mặt, tiền gửi ngân hàng..)
- Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua các sổ chi tiết TK131, sổ tổng hợp chi tiết TK131, sổ cái TK131...

❖ Phương thức bán hàng tại công ty:

Công ty áp dụng duy nhất phương thức bán hàng trực tiếp: Bán hàng trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hoặc trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Khi giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho người mua, doanh nghiệp đã nhận được tiền hoặc có quyền thu tiền của người mua, giá trị của hàng hoá đã hoàn thành, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được ghi nhận.

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng

Để hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 511: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 3331: Thuế GTGT đầu ra.
- TK 111: Tiền mặt.
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng.
- TK 131: Phải thu của khách hàng.

Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là:

- Hóa đơn GTGT, phiếu thu...
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có).

- Sổ chi tiết được sử dụng: Sổ chi tiết phải thu khách hàng.
- Các sổ tổng hợp: Sổ cái các tài khoản chi phí, doanh thu, sổ theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng.

✚ Trình tự hạch toán:

- Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng (Hóa đơn GTGT)

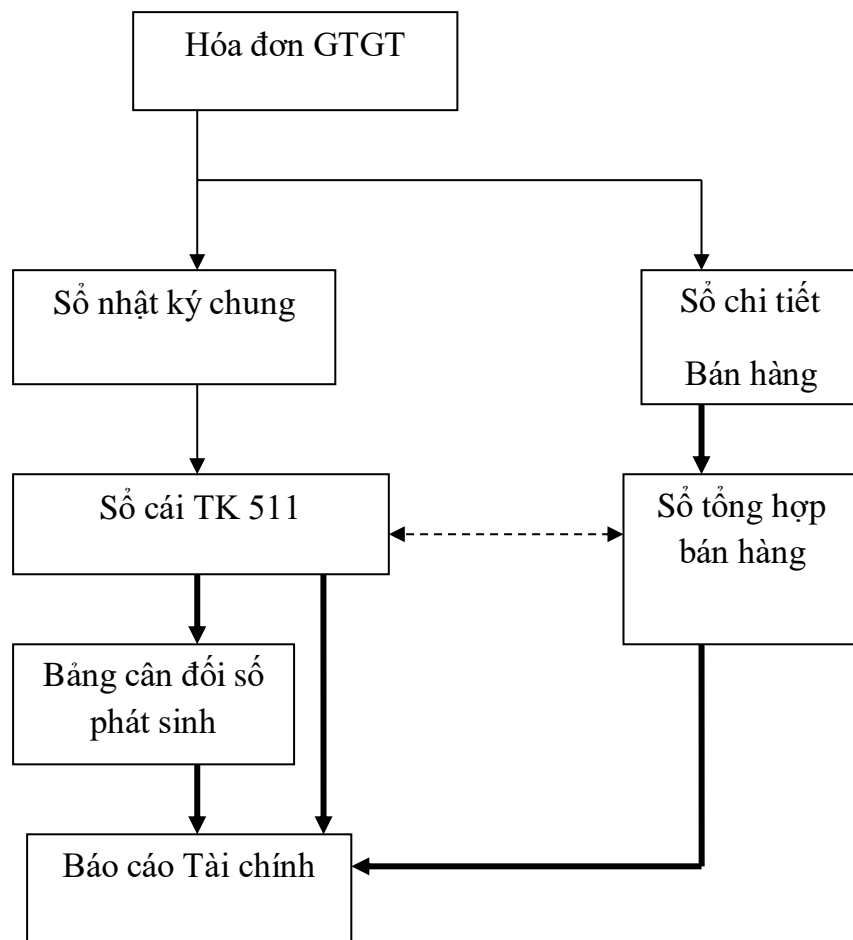
✓ Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: Màu tím, lưu tại cuống gốc để tại phòng kế toán.

Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ công tác kế toán tại công ty TNHH Cơ khí Đình Điền



❖ Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối kỳ: —————→

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung vào sổ cái tài khoản 511,131... Đồng thời căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Đồng thời căn cứ vào sổ cái tài khoản có liên quan kế toán kiểm tra bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Tháng 05/2017 Công ty phát sinh một số nghiệp vụ bán hàng. Căn cứ vào các chứng từ kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung vào Sổ cái các TK liên quan.

- Ngày 10/05/2017 xuất bán 1150 kg Hộp Inox sus 304 cho Công ty TNHH Xây dựng Thành An đơn giá 61.000 đ/kg (chưa có VAT), thanh toán bằng chuyển khoản.

- Ngày 18/05/2017 xuất bán 352 kg Hộp Inox sus 304 cho Doanh nghiệp tư nhân Xuân Hùng với đơn giá 61.200 đ/kg (chưa có VAT), khách hàng chưa thanh toán.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0000424

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 3: Lưu hành nội bộ			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Ngày 10 tháng 05 năm 2017			Ký hiệu: AA/17P		
			Số: 0000424		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN					
Mã số thuế : 0201809841					
Địa chỉ : Số 420 đường 208, Xã An Đông, Huyện An Dương, TP. Hải Phòng					
Điện thoại : 031 3972 667					
Số tài khoản : 32110000568976 tại chi nhánh NH Vietinbank Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Huy					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Xây dựng Thành An					
Mã số thuế : 0100958999					
Địa chỉ : Số 70 phố An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Hà Nội					
Hình thức thanh toán : CK Số tài khoản: 00282234578					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Hộp Inox sus 304	Kg	1150	61.000	70.150.000
Cộng tiền hàng					70.150.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			7.015.000
Tổng cộng tiền thanh toán					77.165.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.2: Giấy báo có 549

Chi nhánh – Số 36 Điện Biên Phủ, Máy Tơ, Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Số: 549



Ngày 10 tháng 05 năm 2017

Kính gửi: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN

Mã số thuế: 0201809841

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có: 32110000568976

Số tiền bằng số: 77.165.000

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng.

Nội dung: Công ty Thành An thanh toán tiền hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT 0000432

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01GTKT3/001	
Liên 3: Lưu hành nội bộ				Ký hiệu: AA/17P	
Ngày 18 tháng 05 năm 2017				Số: 0000432	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN					
Mã số thuế		: 0201809841			
Địa chỉ		: Số 420 đường 208, Xã An Đồng, Huyện An Dương, TP. Hải Phòng			
Điện thoại		: 031 3972 667			
Số tài khoản		: 32110000568976 tại chi nhánh NH Vietinbank Hải Phòng			
Họ tên người mua hàng: Trần Huy Hùng					
Tên đơn vị		: Doanh Nghiệp Tư Nhân Xuân Hùng			
Mã số thuế		: 2700347963			
Địa chỉ		: KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình			
Hình thức thanh toán		: CK		Số tài khoản: 0309184516001	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Hộp Inox sus 304	Kg	352	61.200	21.542.400
Cộng tiền hàng					21.542.400
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			2.154.240
Tổng cộng tiền thanh toán					23.696.640
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi ba triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.4: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP			Mẫu số: S03a-DN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm: 2017					
Đơn vị tính: đồng					
Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PX112	10/05	Xuất Hộp Inox sus 304 theo HD424	632	68.069.650	
			156		68.069.650
HD424 BC549	10/05	Bán Hộp Inox cho Công ty Thành An theo HD424, thu bằng CK	112	77.165.000	
			511		70.150.000
			3331		1.015.000
PX120	18/05	Xuất Hộp Inox sus 304 theo HD432	632	20.839.456	
			156		20.839.456
HD432	18/05	Bán Hộp Inox sus 304 cho DNTN Xuân Hùng theo HD432, chưa thu tiền	131	23.696.640	
			511		21.542.400
			3331		2.154.240
.....
		Tổng cộng		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050
Người lập biểu (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền
420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2017

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
HD424	10/05	Bán Hộp Inox cho Công ty Thành An theo HD424, thu bằng CK	112		70.150.000
.....
HD432	18/05	Bán Hộp Inox sus 304 cho DNTN Xuân Hùng theo HD432 chưa thu tiền	131		21.542.400
.....
PK81	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911	189.817.376.770	
		Cộng số phát sinh		189.817.376.770	189.817.376.770
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP				Mẫu số: S35-DN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)				
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG								
Sản phẩm: Hộp Inox sus 304								
Năm 2017								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
	Tháng 5	
10/05	0000424	10/05	Bán cho Công ty Thành An	112	1150	61.000	70.150.000	0
28/05	0000432	21/05	Bán cho DNTN Xuân Hùng	131	352	61.200	21.542.400	0
						
			Cộng tháng 5				9.817.376.770	
			Cộng cả năm				32.225.259.236	
Người ghi sổ (Ký, họ tên)				Kế toán trưởng (Ký, họ tên)				

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.7: Sổ tổng hợp bán hàng

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền
420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG

(Trích)

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Doanh thu bán hàng	Khoản giảm trừ	Doanh thu thuần
1	Hộp Inox sus 304	32.225.259.236	0	32.225.259.236
2	Ống Inox sus 201	1.146.758.352	0	1.146.758.352
3	Thanh nhôm vân gỗ	910.478.900	0	910.478.900
		
	Cộng tháng 5	23.458.571.596		23.458.571.596
	Cộng năm	189.817.376.770	0	189.817.376.770

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê xuất...

b. Tài khoản sử dụng

- TK 632 - Giá vốn hàng bán
- TK 156 - Hàng hóa....

Phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

Công ty xác định giá vốn hàng hoá theo phương thức Nhập trước xuất trước.

Ví dụ: Tính giá vốn hàng bán cho mặt hàng Hộp Inox sus 304

- Ngày 01/05/2017 tồn kho 1150 kg, đơn giá 59.191 đ/kg
- Ngày 06/05/2017 nhập kho 1000 kg , đơn giá 59.203 đ/kg
- Ngày 10/05/2017 xuất kho 1150 kg bán cho Công ty TNHH Xây dựng Thành An

Đơn giá xuất là: 59.191 đ/kg

Vậy trị giá hàng xuất kho ngày 10/05 là:

$$1150 \text{ kg} \times 59.191 \text{ đ/kg} = 69.069.650 \text{ đ}$$

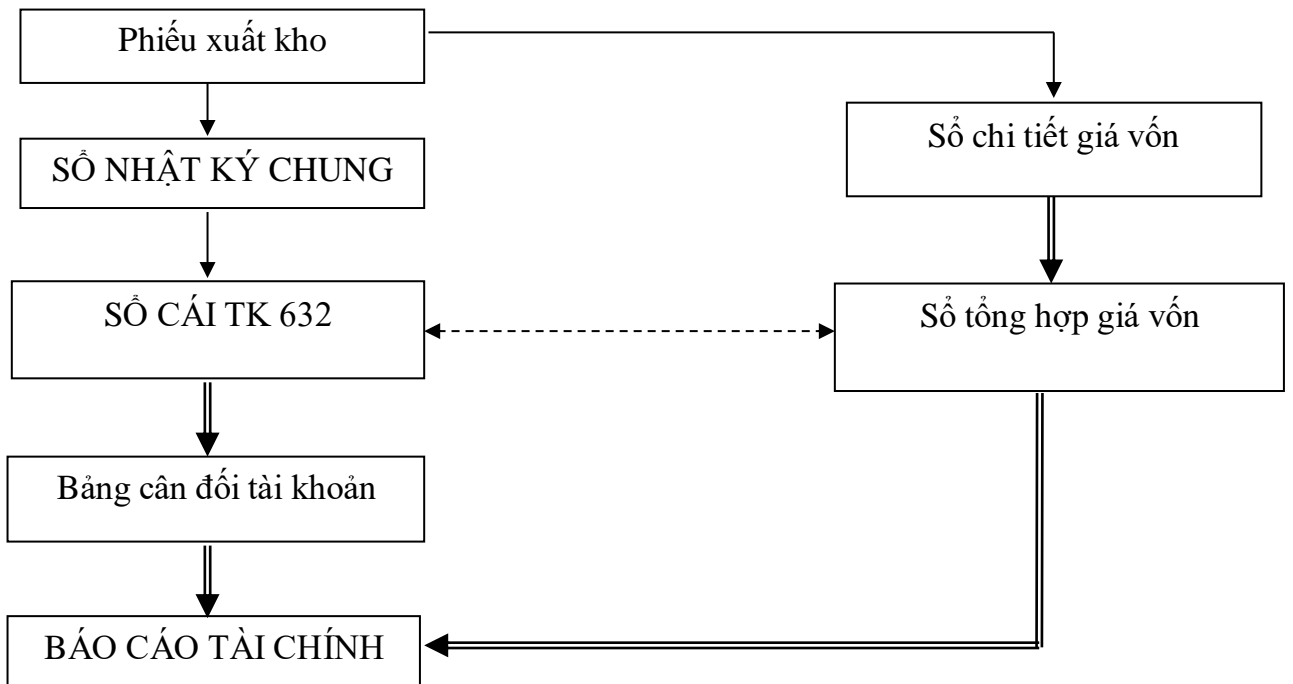
Tương tự như vậy đến ngày 18/05 đơn giá xuất là 59.203 đ/kg

Vậy trị giá hàng xuất kho ngày 18/05 là:

$$352 \text{ kg} \times 59.203 \text{ đ/kg} = 20.839.456 \text{ đ}$$

c. Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán
tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

Ví dụ: (minh họa tiếp ví dụ phần doanh thu bán hàng)

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho 112

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền
420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

Mẫu số: 01-VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 05 năm 2017

Nợ: 632

Số: PX112

Có: 156

- Họ tên người nhận: Nguyễn Văn Huy
- Xuất bán theo hóa đơn số 0000424 ngày 10 tháng 05 năm 2017 cho Công ty Thành An
- Xuất tại kho: Hàng hóa
- Địa điểm: 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hộp Inox sus 304	Inox304	Kg	1150	1150	59.191	68.069.650
	Cộng						68.069.650

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 10 tháng 05 năm 2017

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.10: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP		Mẫu số: S03a-DN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)			
<h2>SỔ NHẬT KÝ CHUNG</h2> <p>Năm: 2017</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: đồng</i></p>					
Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PX112	10/05	Xuất Hộp Inox sus 304 theo HD424	632	68.069.650	
			156		68.069.650
HD424 BC549	10/05	Bán Hộp Inox cho Công ty Thành An theo HD424, thu bằng CK	112	77.165.000	
			511		70.150.000
			3331		1.015.000
.....
PX120	18/05	Xuất Hộp Inox sus 304 theo HD432	632	20.839.456	
			156		20.839.456
HD432	18/05	Bán Hộp Inox sus 304 cho DNTN Xuân Hùng theo HD432 chưa thu tiền	131	23.696.640	
			511		21.542.400
			3331		2.154.240
.....
		Tổng cộng		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP			Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
<h2 style="margin: 0;">SỔ CÁI</h2> <p style="margin: 0;">(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)</p> <p style="margin: 0;">Năm: 2017</p> <p style="margin: 0;">Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán</p> <p style="margin: 0;">Số hiệu: 632</p>					
Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
PX111	11/05	Xuất bán Ống Inox sus 201 cho Công ty Minh Hưng	156	415.667.300	
PX112	10/05	Xuất Hộp Inox sus 304 theo HD424	156	68.069.650	
.....
PX120	18/05	Xuất Hộp Inox sus 304 theo HD432	156	20.839.456	
.....
PK82	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		171.679.666.563
		Cộng số phát sinh		171.679.666.563	171.679.666.563
		Số dư cuối kỳ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Người lập biểu (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)					

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

Số 420 đường 208 - An Đông - An Dương - HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Hộp Inox sus 304

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
Giá vốn tháng 5						
10/05	PX112	10/05	Xuất bán cho Công ty Thành An	1150	59.191	68.069.650
			...			
18/05	PX120	18/05	Xuất bán cho DNTN Xuân Hùng	352	59.203	20.839.456
		
			Cộng tháng 5			8.633.383.480
			Cộng năm 2017			30.679.590.563

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.13: Sổ tổng hợp giá vốn

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

Số 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

SỔ TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Số tiền
1	Hộp Inox sus 304	30.679.590.563
2	Ống Inox sus 201	1.032.082.517
3	Thanh nhôm vân gỗ	819.431.010
.....	
....	
	Cộng	171.679.666.563

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Chứng từ sử dụng

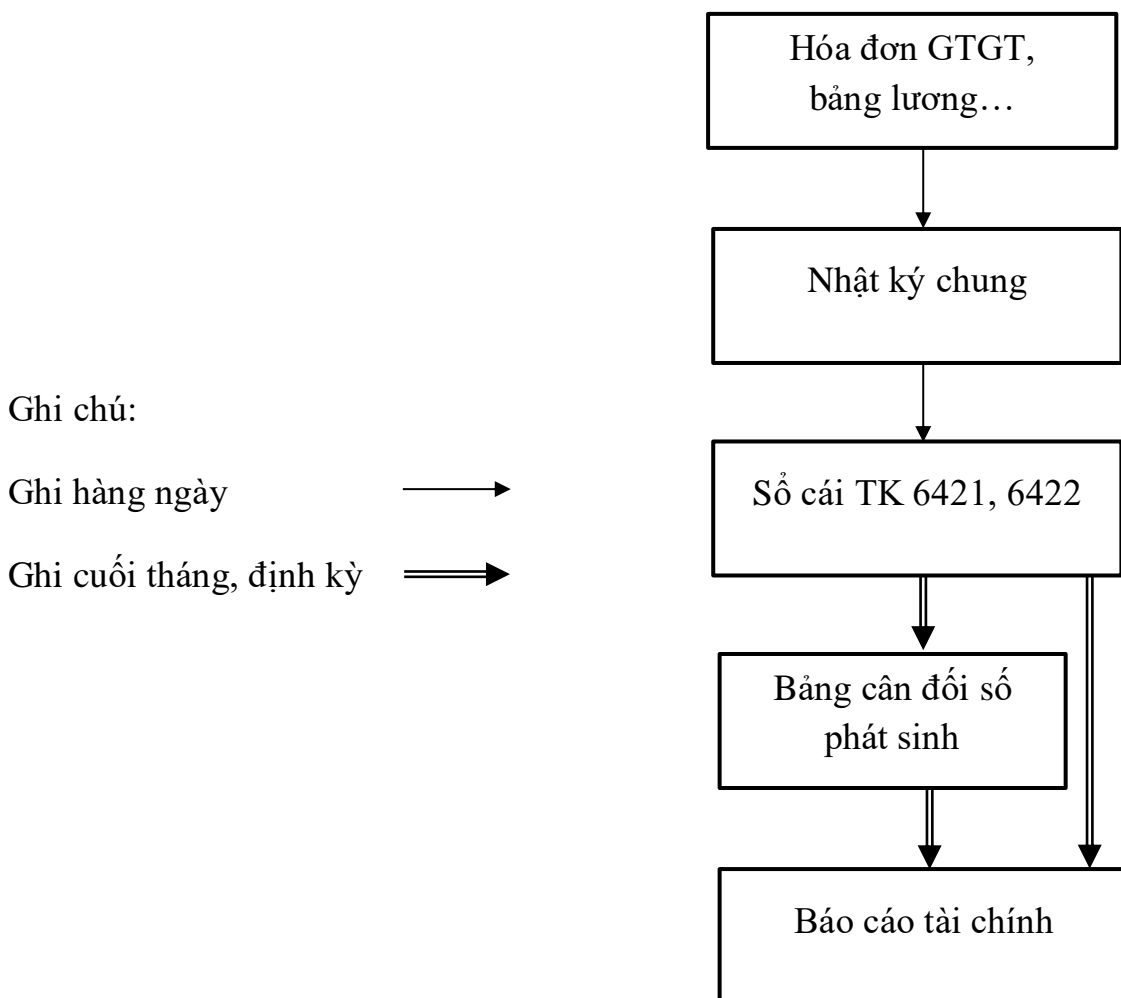
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Các hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

b. Tài khoản sử dụng

- TK 6421- Chi phí bán hàng
- TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Các tài khoản khác có liên quan

c. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh



Ví dụ: Ngày 05/05/2017 Công ty thanh toán cước dịch vụ viễn thông tháng 04/2017 số tiền 3.839.214 đồng (chưa có thuế GTGT 10%).

Ngày 31/05/2017 Công ty nhận được hóa đơn tiền cước chuyển phát nhanh tháng 5/2017 của Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh Thuận Phong-CN Hải Phòng số tiền 362.900 đồng (chưa có thuế GTGT 10%), chưa thanh toán

Biểu số 2.14: Hóa đơn dịch vụ viễn thông 0046560

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Mẫu số: 01GTKT0/001 Ký hiệu: BB/17E Số: 0046560			
Viễn thông Thành phố Hải Phòng Mã số thuế : 0200287977 Địa chỉ : Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN Địa chỉ: Số 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP Số thuê bao: 031 3972 667 Hình thức thanh toán : TM		MST: 0201809841			
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước dịch vụ viễn thông T4/2017				3.839.214
Cộng tiền hàng					3.839.214
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		383.921	
Tổng cộng tiền thanh toán					4.223.135
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn một trăm ba mươi lăm đồng.					
Ngày 05 tháng 05 năm 2017					

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.15: Phiếu chi 178

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền
420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Quyển số: 02

Số: PC178

Nợ: 6422, 1331

Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền: Viễn thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán cước dịch vụ viễn thông tháng 04/2017

Số tiền: 4.223.135 Viết bằng chữ: Bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn một trăm ba mươi
lăm đồng.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn một trăm ba mươi
lăm đồng.

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.16: Hóa đơn 0001973

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao người mua			Ký hiệu: AA/17P		
Ngày 31 tháng 05 năm 2017			Số: 0001973		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MTV CHUYÊN PHÁT NHANH THUẬN PHONG – CN HẢI PHÒNG					
Mã số thuế	: 0313617136-009				
Địa chỉ	: Số 3 Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng				
Điện thoại	: 03138832809				
Số tài khoản	: 32110000566669 tại chi nhánh NH Techcombank Hải Phòng				
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị	: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN				
Mã số thuế	: 0201809841				
Địa chỉ	: Số 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP				
Hình thức thanh toán	: CK	Số tài khoản: 32110000568976			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Hải Phòng-Quảng Ninh	Chuyến	10	10.120	101.200
2	Hải Phòng-Hà Nội	Chuyến	20	10.560	211.200
3	Hải Phòng-Hải Dương	Chuyến	5	10.100	50.500
Cộng tiền hàng					362.900
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			36.290
Tổng cộng tiền thanh toán					399.190
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm chín mươi chín nghìn một trăm chín mươi đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.17: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP			Mẫu số: S03a-DN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm: 2017					
Đơn vị tính: đồng					
Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
HD46560 PC178	05/05	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông T4/2017	6422	3.829.214	
			1331	383.921	
			1111		4.223.135
.....
HD1973	31/05	Chi phí chuyển phát nhanh T5/2017	6422	362.900	
			1331	36.290	
			331		399.190
.....
PK82	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	15.151.273.184	
			642		15.151.273.184
		Tổng cộng		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.18: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền
420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2017

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
HD46560 PC178	05/05	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông T4/2017	1111	3.839.214	
.....
HD1973	31/05	Chi phí chuyển phát nhanh T5/2017	331	362.900	
.....
PK82	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		15.151.273.184
		Cộng số phát sinh		15.151.273.184	15.151.273.184
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính

a. Chứng từ sử dụng

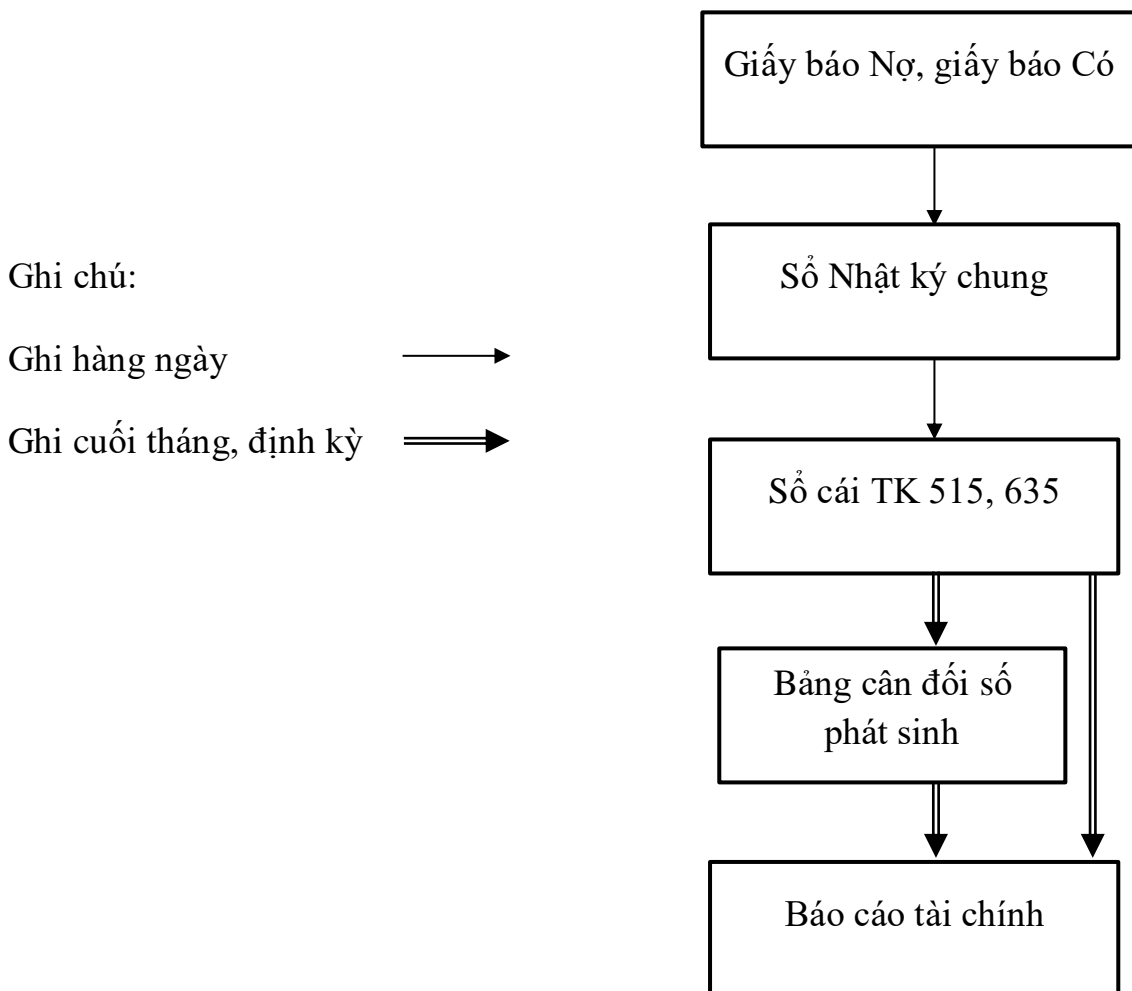
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

c. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán hoạt động tài chính



Ví dụ: Ngày 31/05/2017 Ngân hàng Vietinbank CN Hải Phòng trả lãi tài khoản tiền gửi của công ty. Số tiền 176.312 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có số 624 kế toán định khoản:

Nợ 112: 176.312 đồng

Có 515: 176.312 đồng

Biểu số 2.19: Giấy báo có 624

Chi nhánh – Số 36 Điện Biên Phủ, Máy Tơ, Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Số: 624

Ngày 31 tháng 05 năm 2017



Kính gửi: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN

Mã số thuế: 0201736677

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có: 32110000568976

Số tiền bằng số: 176.312

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm mười hai đồng.

Nội dung: Nhận tiền lãi tài khoản tiền gửi tại Vietinbank

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.20: Sổ Nhật ký chung

<p>Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP</p>			<p>Mẫu số: S03a-DN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)</p>		
<p>SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm: 2017</p>					
<p><i>Đơn vị tính: đồng</i></p>					
Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PX120	18/05	Xuất Hộp Inox sus 304 theo HD432	632	20.839.456	
			156		20.839.456
HD432	18/05	Bán Hộp Inox sus 304 cho Xuân Hùng theo HD432 chưa thu tiền	131	23.696.640	
			511		21.542.400
			3331		2.154.240
.....
BC624	31/05	Ngân hàng trả lãi tiền gửi	112	176.312	
			515		176.312
.....
PK81	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	2.312.813	
			911		2.312.813
.....
		Tổng cộng		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.21: Sổ cái TK 515

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP		Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)			
<h2 style="margin: 0;">SỔ CÁI</h2> <p style="margin: 0;">(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)</p> <p style="margin: 0;">Năm: 2017</p> <p style="margin: 0;">Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính</p> <p style="margin: 0;">Số hiệu: 515</p>					
Chứng từ		Diễn giải	SH	Số tiền	
SH	NT		TKĐƯ	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
BC624	31/05	Ngân hàng trả lãi tiền gửi	112		176.312
.....
PK81	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	2.312.813	
		Cộng số phát sinh		2.312.813	2.312.813
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

2.2.3. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

a. Chứng từ sử dụng

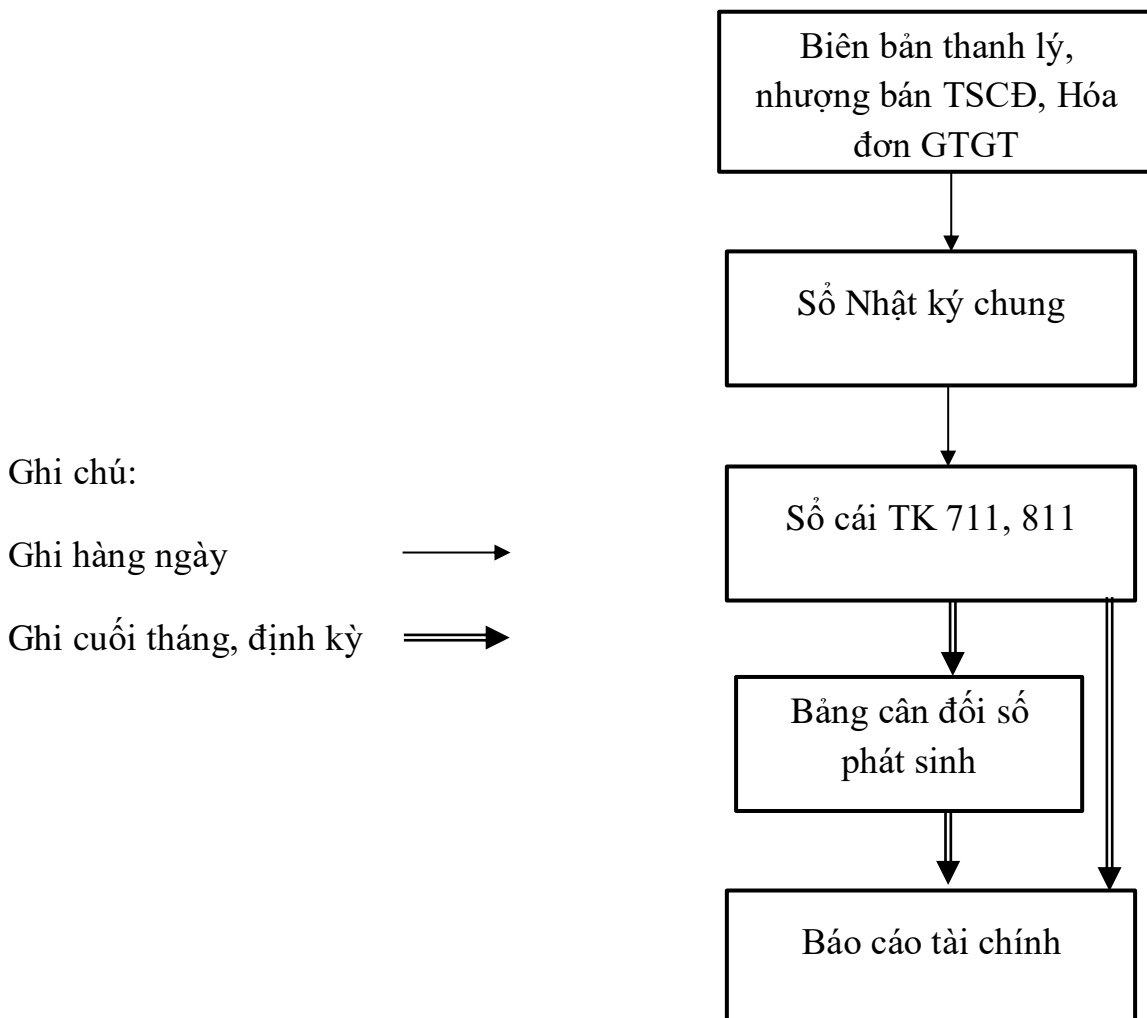
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định...

b. Tài khoản sử dụng

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác
- Các tài khoản khác có liên quan

c. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán hoạt động khác



Trong năm 2017 Công ty không phát sinh thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

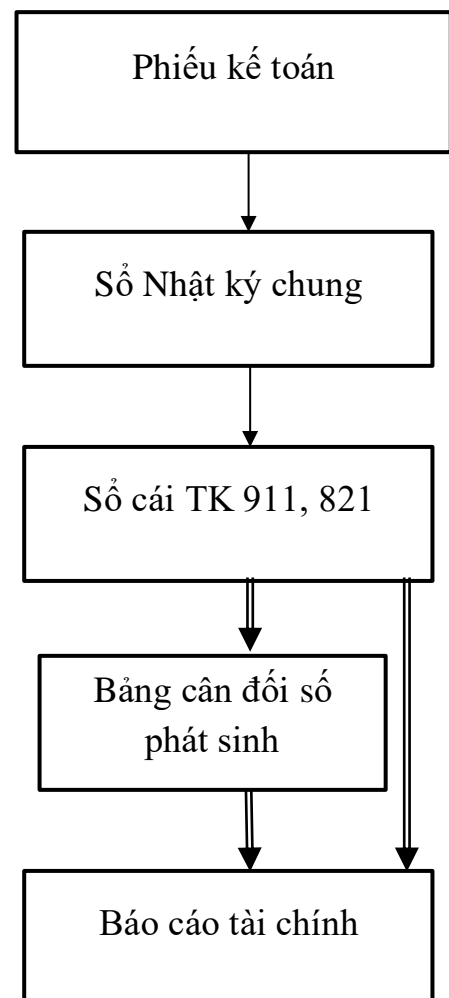
c. Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 2.9: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ ⇨



Cuối năm căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, kế toán lập các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911. Khi đó:

$$\text{Lợi nhuận trước thuế} = (189.817.376.770 + 2.312.813) - (171.679.666.563 + 15.151.273.184)$$

$$= 2.988.749.836$$

$$\text{Thuế TNDN} = 2.988.749.836 \times 20\%$$

$$= 597.749.967$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 2.988.749.836 - 597.749.967$$

$$= 2.390.999.869$$

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 81

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

Số 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 81

Ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	511	911	189.817.376.770	Kết chuyển doanh thu bán hàng	
2	515	911	2.312.813	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	
Tổng cộng			189.819.689.583		

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 82

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền
 420 đường 208 - An Đông - An Dương - HP

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số: 82
 Ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	632	171.679.666.563	Kết chuyển giá vốn hàng bán	
2	911	642	15.151.273.184	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	
	Tổng cộng		186.830.939.747		

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 83

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền
 Số 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số: 83
 Ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	821	3334	597.749.967	Thuế TNDN phải nộp	
	Tổng cộng		597.749.967		

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Ký, họ tên)
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 84

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền
 Số 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số: 84
 Ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	821	597.749.967	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp	
	Tổng cộng		597.749.967		

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Ký, họ tên)
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 85

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

Số 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 85

Ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	421	2.390.999.869	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	
	Tổng cộng		2.390.999.869		

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.32: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

Mẫu số: S03a-DN

420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PK81	31/12	Kết chuyển doanh thu	511	189.817.376.770	
			515	2.312.813	
			911		189.819.689.583
PK82	31/12	Kết chuyển chi phí	911	186.830.939.747	
			632		171.679.666.563
			642		15.151.273.184
PK83	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	597.749.967	
			3334		597.749.967
PK84	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp	911	597.749.967	
			821		597.749.967
PK85	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	2.390.999.869	
			421		2.390.999.869
		Tổng cộng		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.33: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền
420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2017

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PK81	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		189.817.376.770
PK81	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		2.312.813
PK82	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	642	15.151.273.184	
PK82	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	171.679.666.563	
PK84	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	597.749.967	
PK85	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	421	2.390.999.869	
		Cộng số phát sinh		189.819.689.583	189.819.689.583
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.34: Sổ cái TK 821

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP		Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)			
<h2 style="margin: 0;">SỔ CÁI</h2> <p style="margin: 0;">(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)</p> <p style="margin: 0;">Năm: 2017</p> <p style="margin: 0;">Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p style="margin: 0;">Số hiệu: 821</p>					
Chứng từ		Diễn giải	SH	Số tiền	
SH	NT		TKĐƯ	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PK83	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	597.749.967	
PK84	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		597.749.967
		Cộng số phát sinh		597.749.967	597.749.967
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)
--------------------------------	--------------------------------	---------------------------------------------------------

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.35: Sổ cái TK 421

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP		Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)			
<h2 style="margin: 0;">SỔ CÁI</h2> <p style="margin: 0;">(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)</p> <p style="margin: 0;">Năm: 2017</p> <p style="margin: 0;">Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</p> <p style="margin: 0;">Số hiệu: 421</p>					
Chứng từ		Diễn giải	SH	Số tiền	
SH	NT		TKĐƯ	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			2.884.354.326
PK85	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		2.390.999.869
		Cộng số phát sinh			2.390.999.869
		Số dư cuối kỳ			5.275.354.194
			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
Người lập biểu		Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)		

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Biểu số 2.36: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đông - An Dương - HP		Mẫu số B 02 - DN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)		
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Chỉ tiêu (1)	Mã (2)	TM (3)	Số năm nay (4)	Số năm trước (5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		189.817.376.770	342.977.139.882
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		189.817.376.770	342.977.139.882
4. Giá vốn hàng bán	11		171.679.666.563	310.680.168.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		18.137.710.207	32.296.971.063
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.312.813	3.098.946
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	25		15.151.273.184	28.694.627.102
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.988.749.836	3.605.442.907
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.988.749.836	3.605.442.907
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		597.749.967	721.088.581
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	60		2.390.999.869	2.884.354.326

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

CHƯƠNG 3

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN**

3.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về việc tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy tổ chức kế toán của công ty theo mô hình tập trung là phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Mỗi kế toán viên sẽ phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán.

- Thông tin kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ chính xác nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi và thực hiện dễ dàng, đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

❖ Về việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài chính quy định. Quy trình hạch toán chứng từ khá nhanh chóng và kịp thời.

- **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

- **Về sổ sách kế toán:** Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, chính xác và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ đơn giản, số liệu kế toán dễ đối chiếu và kiểm tra.

- **Về công tác kế toán chi phí:** Chi phí là một vấn đề luôn được các nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đã đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- **Về công tác kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- **Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:** Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

- **Về báo cáo tài chính:** Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền còn một số hạn chế sau:

- **Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:**

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả và tính chính xác cao. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu.

- **Về việc áp dụng chính sách bán hàng ưu đãi**

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền cũng vậy, hiện nay trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty. Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết

khẩu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở nắm vững và tìm hiểu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã học được, nhận thấy tầm quan trọng trong công tác tổ chức kế toán của công ty còn tồn tại 1 số vấn đề hạn chế cần khắc phục. Vì vậy, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

3.2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự, làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác và khách hàng.

Dưới đây là một số đề xuất các phần mềm kế toán tiện dụng và phù hợp với công ty.

- Phần mềm kế toán Misa:

Phần mềm Misa là giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và được áp dụng trong các trường hợp như: Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại có quy mô đơn giản, có mức độ quản lý không quá phức tạp hay những doanh nghiệp có yêu cầu về quản trị cao hơn và mô hình hoạt động lớn ở mức độ tương đối hoặc những doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.



- + Ưu điểm của phần mềm kế toán Misa: Giao diện dễ sử dụng, trực quan, thân thiện với người dùng, cho phép cập nhật dữ liệu một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành. Số liệu tính toán cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra sai sót bất thường do lỗi phần mềm là cực hiếm, giúp người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác. Công nghệ bảo mật dữ liệu cao, an toàn gần như tuyệt đối vì chạy trên cơ sở dữ liệu SQL.
- + Nhược điểm: Vì có SQL nên Misa nếu cài đặt trên máy tính quá yếu sẽ chạy ì ạch. Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm.

Misa tính đến nay đã có thể triển khai cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực kinh doanh: Xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ, sản xuất, xây lắp.

- Hay sử dụng phần mềm kế toán FAST:



- + Ưu điểm của phần mềm kế toán FAST: Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống Misa, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình. Tốc độ xử lý tương đối tốt. Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel. Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.
- + Nhược điểm: Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data. Độ bảo mật chưa thực sự an toàn. Các hướng dẫn đi kèm còn sơ sài, chưa rõ ràng như Misa.

3.2.2. Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng

Để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

- ✓ **Chiết khấu thương mại:** là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa

thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên :

- Công ty có thể tham khảo chiết khấu thương mại của DN cùng ngành
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược

kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên HĐ GTGT hoặc HĐ Bán hàng lần cuối cùng

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

- Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán riêng.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Phương pháp hạch toán:

Tài khoản sử dụng: ghi Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 511 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 – Số thuế được điều chỉnh giảm

Có TK 111, 112, 131

Ví dụ: Ngày 25/05/2017, xuất bán 1.000 kg Gác Inox sus 304, đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 52.000 đ/kg và 2.500 kg Thép không gỉ dạng cuộn 304, đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 61.000 đ/kg cho Công ty CP Thanh Bình theo HĐ 0000441. Khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Khi khách hàng mua với số lượng lớn thì công ty có thể cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại 5% (tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của Công ty TNHH Thành Lan) trả bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

+ Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 112: 224.950.000

Có TK 511: 204.500.000

Có TK 3331: 20.450.000

+ Khoản chiết khấu thương mại phát sinh:

Nợ TK 511: 10.225.000

Nợ TK 3331: 1.022.500

Có TK 111: 11.247.500

Biểu số 3.1: Hóa đơn GTGT số 0000441

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Lưu hành nội bộ			Ký hiệu: AA/17P		
Ngày 25 tháng 05 năm 2017			Số: 0000441		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÌNH ĐIỀN					
Mã số thuế : 0201809841					
Địa chỉ : Số 420 đường 208, Xã An Đồng, Huyện An Dương, TP. Hải Phòng					
Điện thoại : 031 3972 667					
Số tài khoản : 32110000568976 tại chi nhánh NH Vietinbank Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Trần Ngọc Mai					
Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Thanh Bình					
Mã số thuế : 0201724517					
Địa chỉ : Số 112 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, HP					
Hình thức thanh toán : CK			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Góc Inox sus 304	Kg	1.000	52.000	52.000.000
2	Thép không gỉ dạng cuộn 304	Kg	2.500	61.000	152.500.000
Cộng tiền hàng					204.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			20.450.000
Tổng cộng tiền thanh toán					224.950.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP		Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)		
PHIẾU CHI		Quyển số: 02		
<i>Ngày 25 tháng 05 năm 2017</i>		Số: PC223		
		Nợ: 5211, 3331		
		Có: 1111		
Họ và tên người nhận tiền: Trần Ngọc Mai				
Địa chỉ: Công ty CP Thanh Bình				
Lý do chi: Chiết khấu cho Công ty CP Thanh Bình				
Số tiền: 11.247.500 Viết bằng chữ: Mười một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng.				
Kèm theo: 01 Chứng từ gốc				
<i>Ngày 25 tháng 05 năm 2017</i>				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng.				

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền 420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP		Mẫu số: S03a-DN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)			
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm: 2017					
<i>Đơn vị tính: đồng</i>					
Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PX170	25/05	Xuất bán hàng hóa theo HD441	632	198.620.500	
			156		198.620.500
HD441	25/05	Doanh thu bán hàng hóa cho Thanh Bình theo HD441, thu bằng chuyển khoản	112	224.950.000	
			511		204.500.000
			3331		20.450.000
PC223	25/05	Chiết khấu cho công ty CP Thanh Bình	511	10.225.000	
			3331	1.022.500	
			111		11.247.500
.....
		Tổng cộng		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền
420 đường 208 - An Đồng - An Dương - HP

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2017

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
HD441	25/05	Doanh thu bán hàng hóa cho Công ty CP Thanh Bình	112		204.500.000
PC223	25/05	Chiết khấu cho công ty CP Thanh Bình	111	10.225.000	
.....
PK81A	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		189.817.376.770
		Cộng số phát sinh		189.817.376.770	189.817.376.770
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền)

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**1. Kết luận**

Về lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 05 năm 2017 minh chứng cho các lập luận đưa ra. Qua quá trình thực tập được tiếp cận thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016.

+ Về công tác kế doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị.

- Hạn chế:

+ Công tác ghi chép sổ sách kế toán chưa hiệu quả.

+ Công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý và bán hàng tại Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền:

- Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tăng tính hiệu quả trong công việc, tiết kiệm thời gian và công sức.

- Công ty nên áp dụng chính sách ưu đãi bán hàng như chiết khấu thương mại để thu hút khách hàng.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại Công ty nên có thực tế khả thi.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư số 133/2016/TT-BTC*.
2. Ngô Thế Chi (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài Chính.
3. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân.
4. Công ty TNHH Cơ Khí Đình Điền, *Sổ sách kế toán Công ty*, (2017).